

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện
dự tuyển công chức hành chính tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức hành chính tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách **1.009** thí sinh đủ điều kiện dự tuyển công chức hành chính tỉnh Bình Định (*chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm Quyết định này*).

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh đăng tải công khai danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, danh sách thí sinh bổ sung thông tin dự tuyển, danh sách thí sinh không đủ điều kiện dự tuyển trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Nội vụ để thí sinh biết.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng tuyển dụng công chức hành chính tỉnh, Trưởng ban Ban Giám sát kỳ tuyển dụng công chức hành chính tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu hồ sơ tuyển dụng;
- Lưu: VT, K12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

Phụ lục I
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2020 (KHỐI CƠ QUAN SỞ, BAN, NGÀNH)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
A	KHỐI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP TỈNH																
I	VĂN PHÒNG UBND TỈNH																
	Tổng hợp tài chính, ngân sách: 1 chỉ tiêu													01.003			
1	Trịnh Bảo Minh		13/05/1992	X	Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Chính sách công	C	KTV	Đại học Tài chính - Ngân hàng	Văn phòng UBND tỉnh	Tổng hợp tài chính, ngân sách	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
II	VĂN PHÒNG HĐND TỈNH																
	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi: 1 chỉ tiêu													01.003			
1	Huỳnh Thị Kim	Ninh	24/12/1984	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
2	Lê Thị Mai	Trâm	10/08/1983	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
3	Trần Đình	Nhịn	01/09/1982		Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
4	Huỳnh Thị Thanh	Huyền	20/05/1981	X	Canh Hòa, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Vũ Hoàng	Phước	24/05/1994		Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
6	Đặng Thị Thu	Thủy	21/09/1997	X	Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
7	Phạm Thị Như	Trúc	17/10/1984	X	Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
8	Huỳnh Thị	Thiện	07/05/1990	X	Tây Phú, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
9	Nguyễn Bích	Diễm	01/01/1990	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
10	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	10/05/1986	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
11	Trần Thị Ngọc	Tiên	20/08/1993	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
12	Lê Văn	Chương	16/09/1990	X	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
13	Nguyễn Thị Út Mận		20/02/1989	X	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
14	Lương Thị	Giáo	17/06/1985	X	An Lão, An Lão, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
15	Nguyễn Lê Kiều	Anh	16/04/1993		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
16	Trương Nữ Tường	Vi	23/05/1986	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	ĐH	KTV		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
17	Lê Thị	Thùy	03/05/1985	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
18	Nguyễn Thị Hồng	Nga	16/01/1992	X	Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
19	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	21/03/1986	X	Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	TC		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003			TC	Bổ sung điều kiện miễn thi tin học
20	Đoàn Ngọc	Sáng	03/06/1992		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác dân tộc và kinh tế miền núi	01.003				
	Theo dõi công tác pháp chế: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đỗ Việt	Thắng	09/11/1987		Thị Nại, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	C	CB		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
2	Hồ Hàn	Phong	19/12/1997		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 610	CB		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003	SQDB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	08/11/1994	X	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên, Thái Nguyên	Đại học	Luật	B	CB		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				Đại học loại Giỏi
4	Phạm Linh	Nguyên	17/10/1993	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
5	Nguyễn Hoàng Kim	Chi	01/03/1992	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
6	Nguyễn Thúy	Thùy	29/10/1984	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	A		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
7	Nguyễn Minh	Huy	23/10/1989		Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật học	B	B		Văn phòng HỖND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
8	Đỗ Thị Thu	Nguyễn	02/02/1987	X	Lê Lợi, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Luật	B	A		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
9	Nguyễn Thị Kim	Hương	25/11/1978	X	Lê Lợi, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
10	Đoàn Xuân	Vũ	07/01/1987		Trần Quang Diệu, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Luật	B	A		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
11	Trần Mỹ Thanh	Thảo	23/02/1996	X	Nhon Hòa, An Nhon, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 650	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
12	Nguyễn Trà	My	29/03/1992	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
13	Nguyễn Hữu	Nam	07/07/1986		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Luật	B	VP		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				
14	Nguyễn Kế Việt	Nhân	01/05/1985		Quang Trung, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Luật	ĐH	A		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế			ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
15	Lâm Thị	Quí	10/03/1984	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế					
16	Trần Thị Phương	Loan	19/03/1990	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế					
17	Đặng Thị Bích	Nguyễn	03/06/1980	X	Nhon Phú, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế					
18	Trần Thị Phương	Liên	14/10/1996	X	Eana, Krong Ana, Đắk Lắk	Đại học	Luật	Bậc 3	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Theo dõi công tác pháp chế	01.003				- ĐH Luật, loại Giỏi.
	Tổng hợp thông tin - dân nguyên: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đinh Thị Minh Trang		24/07/1990	X	Quang Trung, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Tổng hợp thông tin - dân nguyên	01.003				
2	Mai Lại Đăng	Linh	24/03/1978	X	Đồng Đa, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	ĐH	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Tổng hợp thông tin - dân nguyên	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
3	Trương Văn	Chính	18/08/1989		Đồng Đa, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Tổng hợp thông tin - dân nguyên	01.003				
4	Võ Thanh	Hải	21/05/1989		Trần Quang Diệu, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Văn phòng HĐND tỉnh	Tổng hợp thông tin - dân nguyên	01.003				
5	Nguyễn Thị Thanh	Bình	24/10/1988	X	Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	ĐH	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Tổng hợp thông tin - dân nguyên	01.003	Con TB	ĐH		Bổ sung chứng nhận ưu tiên; điều kiện miễn thi

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
6	Nguyễn Thị	Nguyễn	05/05/1991	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Tổng hợp thông tin - dân nguyện	01.003				
	Văn thư, lưu trữ: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lý Thùy	Dung	12/04/1987	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	B	CB		Văn phòng HĐND tỉnh	Văn thư, lưu trữ	01.003				
III	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH																
	Quản lý quy hoạch và xây dựng: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Huỳnh Hải	Triều	15/05/1995	X	Tuy Phước, Tuy phước, Bình Định	Đại học	Kiến trúc	B	CB		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003				
2	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	31/03/1985		Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kiến trúc	C	B		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003				
3	Lâm Văn	Vũ	05/12/1989		Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kiến trúc	B	B		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003				
4	Huỳnh Anh	Tuấn	14/02/1993		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kiến trúc	C	CB		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003				
5	Phan Thị Diệu	Hằng	20/10/1994	X	Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kiến trúc	Ielts 6.0	CB		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003				
	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Phương	Thanh	12/04/1990	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	B	B	ĐH Kinh tế	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Lê Công	Thừa	06/01/1979		Cát Thắng, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	B	A	ĐH Kinh tế	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003				
3	Phạm Đăng	Khoa	17/10/1984		Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	TOEIC 785	B	ĐH Kinh tế	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003				
4	Đình Quốc	Triều	20/6/1985		Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	B	B	Đại học Kế toán	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003				
IV	SỞ CÔNG THƯƠNG																
	Văn thư, lưu trữ: 1 chỉ tiêu												02.007				
1	Nguyễn Thị Lê	Thảo	21/08/1995	X	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB	Chứng chỉ Văn thư lưu trữ hành chính văn phòng	Sở Công Thương	Văn thư, lưu trữ	02.007				
	Quản lý thương mại, dịch vụ (thạc sĩ Quản lý kinh tế): 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Huỳnh Huy	Tuấn	11/07/1991		Phường 11, Quận 3, TP.HCM	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	C	CB	ĐH Kinh tế	Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo										
2	Trần Trọng	Bằng	13/10/1987		Đak Pơ, Đak Pơ, Gia Lai	Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	ĐH	B	ĐH Kinh tế và quản lý công	Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
3	Thân Trọng	Nhân	01/03/1993		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	B	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
4	Nguyễn Thị Kim	Thi	20/10/1992	X	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	C	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
	Quản lý thương mại, dịch vụ: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Trần Thu	Thủy	10/10/1992		Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Toeic 865	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
2	Huỳnh Thị Mỹ	Hội	28/10/1990	X	Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh doanh quốc tế	B	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
3	Trần Thị Hoàng	Ngân	15/06/1990	X	Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đầu tư	C	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
4	Võ Thị Ngọc	Hà	08/10/1988	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh thương mại	C	A		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
5	Hà Trương Tiểu	Bình	14/08/1995		Đổng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư	C	CB		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
6	Phan Thị Thu	Trang	28/01/1992	X	Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kinh doanh thương mại	C	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
7	Đặng Thị Ngọc	Lợi	20/02/1989	X	Tân Thành, Lai Vung, Đồng Tháp	- Đại học; - Thạc sĩ	- Kinh tế; - Quản trị kinh doanh	Toeic 650	Quản trị mạng		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003		ThS		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
8	Lương Thị Diễm	Quỳnh	24/08/1996	X	Tuy Phước, Tuy phước, Bình Định	Đại học	Kinh tế đầu tư	C	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
9	Phan Thị Đài	Trang	14/08/1994	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đầu tư	C	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
10	Từ Như Huỳnh	Phương	16/12/1996		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đầu tư	C	CB		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
11	Nguyễn Đức	Mạnh	17/10/1996		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đầu tư	C	Ứng dụng		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
12	Nguyễn Thị Thu	Ái	15/05/1989	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế - Kế hoạch - đầu tư	B	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
13	Đặng Thị	Vân	08/01/1996	X	Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kinh tế đầu tư	B1	B		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngành	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
14	Nguyễn Hữu	Nghĩa	18/03/1997		Phủ Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đầu tư	Bậc 4	CB		Sở Công Thương	Quản lý thương mại, dịch vụ	01.003				
	Quản lý công nghiệp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Văn Công	Huy	24/05/1984		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý công nghiệp	B	A		Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
	Quản lý công nghiệp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Ngọc	Hường	10/08/1991		Cát Thảng, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật cơ khí	B	B		Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003				
2	Nguyễn Văn	Sự	20/11/1990		Cát Tiến, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	B	B		Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003				
	Quản lý an toàn thực phẩm: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lê Thị Huyền	Thoại	30/07/1991	X	Nhơn Châu, Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	C	B		Sở Công Thương	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003				
2	Ngô Thảo	Ly	30/12/1991		Phước Thuận, Tuy phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	C	B		Sở Công Thương	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003				
3	Trần Nhật	Tuyết	24/10/1995		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Ielts 6.0	B		Sở Công Thương	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
4	Trần Thị Thanh	Thoa	02/02/1986	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	B	B		Sở Công Thương	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003				
5	Phan Quang	Thoại	06/05/1985		Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ hóa thực phẩm	B	B		Sở Công Thương	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003				
V	SỞ DU LỊCH																
	Kế toán: 1 chỉ tiêu												06.031				
1	Nguyễn Thị Tú	Uyên	25/11/1987	X	Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	C	CB	Đại học Kế toán	Sở Du lịch	Kế toán	06.031				
2	Trịnh Thị Mai	Phương	19/12/1994	X	Ghênh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	B	B	Đại học Kế toán	Sở Du lịch	Kế toán	06.031				
3	Huỳnh Thị Hồng	Hà	26/01/1989	X	Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	B	B	Đại học Kế toán	Sở Du lịch	Kế toán	06.031				
4	Hồ Như	Quỳnh	01/01/1993		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	B1	B	Đại học Kế toán	Sở Du lịch	Kế toán	06.031				
	Quản lý lữ hành: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Phan Thị Phương	Loan	16/08/1993	X	Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh du lịch	C	B		Sở Du lịch	Quản lý lữ hành	01.003				
2	Phạm Ngọc	Huyền	19/04/1997		Nhơn Hải, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Toeic 495	CB		Sở Du lịch	Quản lý lữ hành	01.003				
3	Trần Võ	Hào	24/04/1987		Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C	B		Sở Du lịch	Quản lý lữ hành	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
4	Nguyễn Thùy	Nhung	24/09/1992		Tây Xuân, Tây Sơn, Bình Định	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C	B		Sở Du lịch	Quản lý lữ hành	01.003				
5	Khổng Thị Yến Ngọc		19/02/1992	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn	B	B		Sở Du lịch	Quản lý lữ hành	01.003				
6	Trần Lang	Thư	20/06/1992		Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý du lịch	Toeic 495	B		Sở Du lịch	Quản lý lữ hành	01.003				
7	Vi Thùy	Linh	12/10/1993	X	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn hóa du lịch	B	B		Sở Du lịch	Quản lý lữ hành	01.003	DTTS			
	Quản lý lưu trú: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Quý	Đoan	17/01/1993	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị khách sạn	Toeic 610	B		Sở Du lịch	Quản lý lưu trú	01.003				
2	Phan Hải	Chung	02/02/1992		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản trị nhà hàng - khách sạn	B	B		Sở Du lịch	Quản lý lưu trú	01.003				
3	Lê Nguyễn Hoài	Anh	25/03/1991	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý du lịch và dịch vụ	C	KTV		Sở Du lịch	Quản lý lưu trú	01.003				
	Phát triển tài nguyên du lịch: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Bích Thảo	Nguyễn	10/07/1990	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn hóa du lịch	ĐH	A		Sở Du lịch	Phát triển tài nguyên du lịch	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
VI	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI																
1	Khối cơ quan văn phòng sở																
	Kế toán: 1 chỉ tiêu												06.031				
1	Mang Thị Như Ý		30/09/1988	X	Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
2	Phạm Thị Thu Thủy		10/03/1993	X	An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
3	Huỳnh Thị Hân		21/08/1992	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
4	Trần Lê Văn		24/06/1995		Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
5	Phạm Thị Minh		26/06/1994	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
6	Nguyễn Phạm Thị Mai Trâm		10/01/1992	X	Điều Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
7	Lê Đức	Hiếu	10/02/1990		Nhon Binh, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
8	Nguyễn Bảo	Ngọc	24/01/1984		Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	ĐH	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
9	Phạm Thị Diệu	Hân	20/06/1985	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
10	Võ Thị Trúc	Linh	29/12/1992	X	Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
11	Đặng Thị Kim	Lài	26/02/1991	X	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
12	Nguyễn Thị Hoài	Vi	20/12/1984	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
13	Phạm Thị Thúy	An	20/08/1995	X	Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	Nâng cao		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
14	Phạm Thị	Huệ	18/03/1994	X	Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
15	Bùi Nguyễn Trúc	Phương	23/11/1989		An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
16	Trần Thị Thùy	Quyên	24/04/1990	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
17	Nguyễn Kiều	Trinh	13/10/1992		Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
18	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	25/12/1989	X	Nhon Binh, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
19	Huỳnh Hồng	Phương	06/07/1991		Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
20	Đinh Thị Như	Quỳnh	15/06/1993		Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
21	Trần Triệu	Bảo	16/11/1996		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
22	Trương Thị Khánh	Vinh	16/11/1996	X	Nhon Khánh, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B1	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
23	Nguyễn Thị Kim	Ngân	08/08/1996	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	Bậc 4	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Kế toán	06.031				
	Văn thư, lưu trữ: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Diệp Văn	Huy	01/04/1991		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Văn thư, lưu trữ	01.003				
2	Phan Huỳnh Ngọc	Hiếu	17/11/1995	X	Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản trị văn phòng	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Văn thư, lưu trữ	01.003				
	Hành chính tổng hợp: 2 chỉ tiêu												01.003				
1	Đỗ Thị Sơn	San	07/12/1992	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Nguyễn Tấn	Tiên	15/01/1996		Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
3	Võ Văn	Mỹ	20/10/1992		Hoài Phú, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
4	Đinh Nguyên	Hưng	20/08/1991		Nhon Khánh, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B	A		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
5	Phạm Long	Nhật	08/09/1997		Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
6	Nguyễn Thanh	Cường	16/08/1991		Nhon Mỹ, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
7	Hồ Thị Thu	Uyên	19/08/1997	X	Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
8	Đỗ Thị Thanh	Nhận	01/09/1990	X	Thị Nại, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Hành chính học	C	KTV		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
9	Nguyễn Lâm	Son	02/07/1993		Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
10	Nguyễn Quốc	Cường	03/05/1986		Trần Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
11	Nguyễn Thanh	Tú	08/10/1984		Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
12	Thân Trọng	Trí	08/04/1987		Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
13	Mai Thị Hồng	Vân	25/06/1993	X	Canh Hiền, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
14	Nguyễn Thị Hồng	Trà	10/06/1995	X	Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
15	Đình Văn	Đất	03/04/1997		An Dũng, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003	DTTS			
16	Diệp Thị	Diệu	17/09/1992		An Tân, An Lão, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
17	Võ Lệ	Huyền	14/02/1997		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
18	Mai Thị Mỹ	Xuyến	20/08/1997	X	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
19	Phạm Thị Diễm	Trinh	11/07/1990	X	Vĩnh Hòa, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
20	Lê Quang	Tùng	26/08/1993		Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
21	Nguyễn Văn	Đạt	08/09/1995		Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
22	Nguyễn Đình	Nghiệp	18/09/1982		An Lão, An Lão, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
23	Đặng Thị Thu	Huyền	15/02/1996	X	Canh Hiệp, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003	DTTS			
24	Đặng Văn Út	Tám	10/12/1993		Mỹ Lợi, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
25	Lê Trần Huyền	Trang	12/12/1997	X	Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	Bậc 2	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Hành chính tổng hợp	01.003				
	Quản lý kế hoạch: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Thái Phi	Hoàng	17/04/1989		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Quản lý quy hoạch	01.003				
2	Trần Lê	Duy	30/11/1991		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Giao thông vận tải	Quản lý quy hoạch	01.003				
2	Thanh tra sở																
	Thanh tra: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Ngọc	Phúc	17/03/1981		Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
2	Võ Thị Hồng	Thảo	03/09/1992	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
3	Nguyễn Lâm	Đại	29/06/1995		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	Ứng dụng		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
4	Huỳnh Văn	Chương	16/08/1995		Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	C	CB		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
5	Trần Gia	My	13/02/1996	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	Ứng dụng		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
6	Nguyễn Cao	Nguyên	08/05/1995		Kông Chro, Kông Chro, Gia Lai	Đại học	Luật Kinh tế	B	CB		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				Đại học loại Giỏi
7	Nguyễn Thị Khánh	Ly	24/09/1992	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
8	Nguyễn Hồng	Dân	01/02/1995		Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	C	CB		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
9	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	10/10/1994	X	Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
10	Đặng Thành	Vinh	17/02/1993		Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	C	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
11	Huỳnh Đăng	Khoa	26/09/1996		Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B1	CB		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
	Thanh tra: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Huỳnh Nhân	Ái	26/08/1991		An Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	B	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
2	Đặng Hồ	Triều	06/04/1989	X	Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Bậc 4	CB		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
3	Ngô Thành	Tâm	11/09/1987		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	B	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
4	Lê Đại	Phúc	11/12/1993		Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Toeic 480	B		Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003				
VII	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																
	Hành chính tổng hợp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Phạm Thị	Duyên	24/02/1990	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật học	B	A		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				
2	Hà Trần	Thâm	18/04/1983		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Luật học	B	B		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				
3	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/04/1987	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật học	C	CB		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				
4	Võ Thị Hải	Yến	01/01/1995	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	Toeic 580	Nâng cao		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				
5	Nguyễn	Ninh	11/06/1986		Cát Thành, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật học	B	B		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				
6	Mai Thị Thanh	Nhật	24/10/1997	X	Nhon Mỹ, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				
7	Phạm Thế	Dũng	04/03/1997		Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yến	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				Đại học loại Giỏi

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
8	Nguyễn Anh	Thư	11/01/1995		Mỹ Hòa, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003				
9	Lê	Uyên	12/05/1997		Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Sở Giáo dục và Đào tạo	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
	Công nghệ thông tin: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Ngọc	Huấn	04/08/1988		Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Giáo dục và Đào tạo	Công nghệ thông tin	01.003			ĐH	
2	Ngô	Quyền	04/12/1992		Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Giáo dục và Đào tạo	Công nghệ thông tin	01.003			ĐH	
3	Cao Minh	Thường	01/01/1993		Canh Hòa, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Khoa học máy tính	C	ĐH		Sở Giáo dục và Đào tạo	Công nghệ thông tin	01.003			ĐH	
VIII	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ																
1	Khối cơ quan văn phòng sở																
	Quản lý công nghệ: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn	Thái	02/10/1985		Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ và quản lý môi trường	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý công nghệ	01.003				
	Thanh tra: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Cẩm	Tú	31/12/1992	X	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	Thanh tra	01.003				
2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	16/04/1996	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	Thanh tra	01.003				
3	Lê Quốc	Hiệp	20/04/1986		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	Thanh tra	01.003				
2	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng																
	Quản lý đo lường: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Hoa	Hồng	16/07/1989	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	C	B		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
2	Lưu Tân	Sinh	25/12/1990		Phước Thuận, Tuy phước, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	B	A		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
3	Nguyễn Quốc	Hung	08/08/1987		Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	B	B		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
4	Võ Thị Hồng	Nhung	29/09/1989	X	Cát Trinh, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	B	B		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
5	Nguyễn Thị Hồng	Loan	18/11/1994	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	C	CB		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
6	Nguyễn Thanh	Hằng	22/04/1993	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	B	B		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
7	Nguyễn Thị	Hân	27/05/1993	X	Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	B	B		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
8	Dương Thị Hồng	Thoa	04/08/1992	X	Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	B	B		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
9	Phan Thị Hồng	Phụng	22/08/1992	X	Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	B2	A		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
10	Trần Phạm Quỳnh	Như	13/11/1989	X	Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	Bậc 3	B		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				
11	Mai Tường	Vy	08/06/1993	X	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	Bậc 3	A		Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý đo lường	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
IX	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ																
	Hành chính tổng hợp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Huỳnh Nhu	Hân	07/08/1995	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
2	Mai Thị Cẩm Nhung		08/08/1992	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
3	Nguyễn Mai Huyền	Đào	24/08/1997	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kế toán	Toeic 400	Nâng cao		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
4	Lê Thanh	Tân	09/04/1983		Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	KTV		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Nguyễn Thị Diễm	Hương	06/12/1993	X	Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
6	Nguyễn Thành Toàn		10/10/1989		Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
7	Phan Thị Kim Thoa		20/05/1985	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
8	Hồ Nguyễn	Trang	10/10/1992	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
9	Võ Thị	Tiền	28/02/1991	X	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
10	Lương Minh	Hoàng	09/01/1987		Hoài Hảo, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
11	Lê Thị Mỹ	Ái	20/10/1987	X	Tây Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
12	Kiều Thị Mỹ	Hạn	21/07/1997	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
13	Trần Đình	Nhượng	28/12/1980		Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
14	Dương Thị Cẩm	Lệ	01/04/1989	X	Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
15	Nguyễn Thị Tuyệt	Nhung	27/04/1992	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
16	Nguyễn Thị Trà	My	20/03/1988	X	Trần Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Con BB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
17	Nguyễn Thị Lệ Chi		04/01/1996	X	An Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	Nâng cao		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
18	Lê Thị Lệ	Thu	03/01/1993	X	Mỹ Hòa, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
19	Trần Thị Thanh	Tú	22/12/1996	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
20	Đặng Thị Ánh Ngọc		26/06/1991	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
21	Nguyễn Đăng Giáo		16/01/1994		Mỹ Lợi, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
22	Trần Huỳnh Tố Uyên		17/12/1983	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	A	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
23	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/09/1985	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
24	Trần Thị Hồng Vân		02/03/1987	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
25	Lê Thị Phương Kiều		17/04/1985	X	Nhon Thành, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
26	Đặng Thị Xuân Phát		22/12/1985	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
27	Nguyễn Thị Tuyệt	Hạnh	03/08/1991	X	Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
28	Đinh Mai	Thanh	05/04/1992		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
29	Trần Trương Lê	Phi	03/02/1994		Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
30	Phạm Ngọc Ly Ly		04/01/1995		Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
31	Nguyễn Thị Tinh	Tú	09/04/1992	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
32	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến	24/08/1989	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
33	Trần Thị Như Mến		16/01/1987	X	Phủ Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	KTV		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
34	Lê Minh	Đạt	20/02/1984		Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
35	Mai Nguyễn Kim	Duyên	21/05/1996		Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B1	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
36	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	22/03/1994	X	Nhon Phú, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Kế toán tổng hợp	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003				
	Thẩm định chủ trương đầu tư: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Hồ Thi Thu	Hiền	04/02/1993	X	Nhon Bình, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Bậc 3	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
2	Ngô Thị Như	Trang	20/08/1988	X	Hoài Tân, Hoài Nhon, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	KTV		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
3	Đồng Khánh	Linh	30/11/1995	X	Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Khoa học môi trường	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
4	Châu Quang	Cường	09/12/1985		Bình Dương, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
5	Phan Thị Na	Ly	07/01/1997	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Khoa học môi trường	B1	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
6	Huỳnh Ngọc	Quân	21/04/1995		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
7	Đinh Hồng	Lâm	20/10/1991		Nhon Phú, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Toeic 560	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
8	Lê Văn	Kiên	14/09/1988		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Địa lý môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
9	Nguyễn Đăng	Khoa	04/09/1986		Phù Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
10	Võ Thị Thúy	Hậu	01/01/1997	X	Mỹ Trinh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Toeic 515	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
11	Phạm Thị Thanh	Vị	30/12/1997	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật môi trường	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
12	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	26/10/1992	X	Tam Quan Bắc, Hoài Nhon, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
13	Nguyễn Thị	Sô	05/03/1994	X	Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
14	Nguyễn Thị Hoài	Thương	05/12/1990	X	Lý Thường Kiệt, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	KTV		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
15	Võ Thị Mỹ	Hoàng	11/10/1992	X	Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
16	Nguyễn Anh	Tuấn	12/10/1996		Trần Phú, Quy Nhon, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Toeic 425	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
17	Phạm Thị Kim	Hiếu	18/01/1994	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
18	Trịnh Hoàng	Lịch	05/07/1988		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Kỹ Thuật môi trường	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
19	Phan Văn	Kha	18/04/1995		Thị Nại, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ Thuật môi trường	Toeic 430	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
20	Đỗ Hồng	Minh	23/12/1989		Mỹ Cát, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
21	Đặng Kim	Chi	23/04/1992		Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
22	Nguyễn Xuân	Trọng	31/12/1994		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Toeic 410	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
23	Nguyễn Thị Minh	Hoa	28/12/1992	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Khoa học môi trường	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
24	Nguyễn Thị Trà	My	19/02/1991	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Khoa học môi trường	C	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
25	Lữ Trường	An	26/07/1993		Nhơn Khánh, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
26	Hà Huy	Hiếu	01/10/1992		Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	C	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
27	Võ Trung	Tín	25/11/1984		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
28	Đặng Thị Thúy	Linh	02/02/1987	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Khoa học môi trường	B	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
29	Trương Nguyễn	Toàn	19/03/1989		Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
30	Ngô Thị	Út	13/11/1986	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Khoa học và kỹ thuật môi trường	C	KTV		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
31	Bùi Phạm Kiều	My	22/03/1995		Cát Lâm, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
32	Trần Nguyễn Thanh	Tâm	11/07/1995		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
33	Nguyễn Anh	Tuấn	08/02/1989		Bình Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
34	Lê Anh	Hàn	29/10/1989		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	Bậc 2	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				
35	Lê Thị Tường	Vy	04/02/1990	X	Cát Hưng, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật môi trường	Bậc 3	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trương Thanh	Bình	23/03/1985	X	Điều Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	ĐH	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con TB	ĐH		Bổ sung chứng nhận ưu tiên; điều kiện miễn thi ngoại ngữ
2	Lê Thanh	Hiền	20/12/1984		Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Phạm Thị Mỹ	Nữ	12/12/1996	X	Thị Nại, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Toeic	Nâng cao		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
4	Nguyễn Mỹ	Hạnh	20/08/1991	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
5	Vũ Đình	Nam	12/06/1991		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
6	Nguyễn Đình	Khá	19/04/1989		Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	CD		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003			CD	Bổ sung điều kiện miễn thi tin học
7	Trịnh Văn	Khánh	24/08/1990		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
8	Nguyễn Trung	Tín	01/10/1989		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
9	Nguyễn Văn	Nhơn	20/01/1983		Phước Thuận, Tuy phước, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
10	Trần Quốc	Tuấn	18/10/1985		Bình Hòa, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
11	Phạm Thị Thu	Lý	19/04/1992	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
12	Nguyễn Thị	Liệu	16/04/1990	X	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
13	Nguyễn Hoàng Ngọc	Diễm	19/12/1992	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
14	Đình Quốc	Bảo	02/08/1985		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
15	Huỳnh Cẩm	Thụy	27/01/1996	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	Nâng cao		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
16	Huỳnh Thị Phi	Yến	17/02/1993	X	Đống Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
17	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15/08/1991	X	Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
18	Lê Hoa	Kỳ	03/02/1993		Đống Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
19	Nguyễn Trung	Quyết	26/10/1987		Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con BB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
20	Hồ Thị Thanh	Thảo	02/06/1992	X	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
21	Nguyễn Thị Thu	Thắm	12/05/1980	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
22	Đỗ Thị Ngọc	Diễm	21/06/1990		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
23	Trần Văn	Quý	12/09/1990		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	A		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
24	Huỳnh Thị Trúc	Phương	24/10/1988	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
25	Trương Thị Kim	Quỳnh	10/01/1993	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
26	Lê Thành	Phong	03/10/1986		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
27	Đặng Công	Hào	10/12/1988		Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
28	Lê Thị Hồng	Yến	20/02/1990	X	Hoài Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý công nghiệp - Quản trị kinh doanh	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
29	Trương Công	Chương	28/05/1985		Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B1	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
30	Đồng Thị Thanh	Hằng	16/01/1993	X	Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B1	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	01.003				
	Tổng hợp kinh tế - xã hội: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Thanh Minh	Thư	25/07/1995		Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	Ieltst 6.5	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng hợp kinh tế - xã hội	01.003				
	Quản lý kế hoạch và đầu tư: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lê Thị Nhã	Uyển	28/12/1993	X	Cát Hưng, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kinh tế đối ngoại	B	B		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
2	Huỳnh Minh	Khoa	25/01/1998		Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại)	Toeic 560	Nâng cao		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
3	Phạm Nguyễn Phi	Hùng	24/04/1996		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế quốc tế	B	Nâng cao		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
4	Mai Xuân	Huy	25/08/1997		Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đối ngoại	IELTS 6.5	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
5	Phan Minh	Đức	31/11/1996		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đối ngoại	IELTS 6.5	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
6	Nguyễn Văn	Ngọc	11/03/1995		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đối ngoại	IELTS 7.0	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
7	Nguyễn Khánh	Duy	16/12/1996		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế đối ngoại	IELTS 7.5	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
8	Mai Văn	Son	13/01/1991		Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kinh tế đối ngoại	C	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
	Tổng hợp kinh tế xã hội: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Chí	Nghĩa	10/08/1989		Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế vận tải	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng hợp kinh tế - xã hội	01.003				
2	Trần Mai	Quyên	26/10/1992		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế vận tải	B	CB		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tổng hợp kinh tế - xã hội	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
X	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI																
	Văn thư, lưu trữ: 1 chỉ tiêu												02.007				
1	Lê Thị Ánh	Nguyệt	20/01/1990	X	Canh Hiệp, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	C	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Văn thư, lưu trữ	02.007				
	Công nghệ thông tin: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Huỳnh Thị	Thảo	01/01/1989	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	C	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003				ĐH
2	Bùi Văn	Truyền	17/04/1985		Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003				ĐH
3	Lê Đức	Hải	20/09/1991		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	C	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003				ĐH
4	Phan Thị Thanh	Thảo	25/09/1993	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003	Con TB		ĐH	Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Kiệt Thành	Đạt	09/02/1996		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	C	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003	Con TB		ĐH	Bổ sung chứng nhận ưu tiên
6	Võ Văn	Trí	10/06/1988		Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	C	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003				ĐH
7	Nguyễn Thế	Vinh	03/08/1987		Vĩnh Hào, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003	HT NVQS			ĐH
8	Đặng Kỳ	Duyên	20/09/1994		Cát Thành, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	C	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003				ĐH
9	Nguyễn Chí	Thanh	20/04/1976		Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tin học	C	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003				ĐH
10	Võ Chí	Cường	24/10/1991		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B1	ĐH		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công nghệ thông tin	01.003				ĐH
	Quản lý tài chính - kế toán: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Hồng	Thịnh	11/05/1988		Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
2	Đỗ Kim	Thương	20/08/1986	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
3	Trần Tổ	Mai	16/06/1990	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
4	Đặng Hồng	Đào	08/12/1993	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo										
5	Bùi Thị Kim	Anh	12/05/1991	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	TC		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003	Con TB	ĐH	TC	Bổ sung chứng nhận ưu tiên; điều kiện miễn thi ngoại ngữ, tin học
6	Tô Lê Như	Thục	25/12/1983	X	Tuy Phước, Tuy phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
7	Trần Thị Như	Lan	20/10/1993	X	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
8	Nguyễn Song	An	12/07/1991		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
9	Nguyễn Lê	Oanh	12/02/1990	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
10	Đỗ Thị Hồng	Diệp	25/02/1985	X	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	TC		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003			TC	Bổ sung điều kiện miễn thi tin học
11	Võ Nguyễn Hồng	Nguyên	16/10/1991	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
12	Võ Thị	Hoa	27/03/1988	X	Thị Nai, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
13	Huỳnh Thị Thu	Hào	30/08/1986	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	KTV		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
14	Phạm Thị Tuyệt	Nhung	17/12/1994	X	Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
15	Nguyễn	Thao	30/01/1990		Thị Nai, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
16	Trần Thị Minh	Thái	19/04/1988	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	C	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
17	Văn Thị Thủy	Vi	10/09/1985	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	VP		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
18	Phạm Thị Minh	Tuyền	12/12/1992	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
19	Nguyễn Thúy	Kiều	05/03/1989		Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	KTV		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
20	Trần Thị Thủy	Hằng	29/12/1990	X	Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
21	Trần Thành	Vinh	26/08/1992		Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo										
22	Lê Thị Thúy	Hằng	16/10/1991	X	Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
23	Đặng Võ Ngọc	Trâm	30/04/1994		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
24	Hồ Hải	Ngân	20/01/1994		Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
25	Trần Thị Phương	Chi	05/09/1992	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
26	Võ Xuân	Toàn	22/06/1989		Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	KTV		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
27	Phạm Kiều Lê	Trinh	27/03/1994		Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
28	Phan Thị Như	Hồng	19/02/1987	X	Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	TC		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003			TC	Bổ sung điều kiện miễn thi tin học
29	Lê Thị Thanh	Bình	01/10/1994	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B1	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
30	Trần Thị Khánh	Linh	30/06/1996	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B1	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
	Quản lý bảo hiểm xã hội: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lê Thị Thùy	Vân	11/02/1995	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Bảo hiểm	C	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý bảo hiểm xã hội	01.003	Con AHLV TND			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	01/02/1996	X	Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Bảo hiểm	Toeic 435	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý bảo hiểm xã hội	01.003				
	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Ngô Thị Mỹ	Hằng	21/08/1995	X	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	C	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
2	Đoàn Thị Thúy	Ngân	15/12/1994	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
3	Phạm Thị My	Na	02/07/1996	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	C	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
4	Văn Thị Mỹ	Mạnh	30/09/1989	X	Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Xã hội học	B	A		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
5	Hà Thị Ánh	Tuyết	05/04/1990	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
6	Phạm Thị Thu	Hồng	08/02/1992	X	Nhon Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	A		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
7	Đinh Thị Thảo	Nguyễn	15/11/1997	X	Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	Toeic 415	Nâng cao		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
8	Đặng Thị	Phận	15/01/1995	X	Bình Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
9	Phạm Thị Kim	Yến	20/02/1996	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Xã hội học	B1	CB		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
10	Nguyễn Thị Hồng	Thoa	30/04/1997	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	A2	B		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
XI	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																
1	Khối cơ quan văn phòng sở																
	Thanh tra: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Quang Lộc		16/03/1990		Đổng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	C	A	ĐH Luật học	Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003				
	Quản lý công trình thủy lợi: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Hoàng Tin		03/11/1984		Ấn Thanh, Hoài Ân, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	B	B	ĐH ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi	01.003				
2	Dương Thị Bích	Hường	19/06/1985	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	C	B	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng	Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi	01.003				
3	Huỳnh Tự	Hiếu	15/08/1991		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	ĐH	CB	ĐH Xây dựng công trình thủy	Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
4	Đặng Khoa	Thì	14/12/1976		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	B	Lập trình Passcan cơ bản	ĐH Xây dựng thủy lợi-thủy điện	Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tín học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo										
	Quản lý tài chính - kế toán: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Hoàng Nhung		09/03/1989	X	Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
2	Trần Thị Thu Thảo		13/01/1989	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
3	Bùi Thị Xuân		15/02/1991	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
4	Nguyễn Thị Thanh Thùy		04/06/1989	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
5	Nguyễn Như Quỳnh		16/12/1985	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
6	Phạm Thị Nở		20/10/1993	X	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
7	Nguyễn Trần Kim Ngân		16/06/1993	X	Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
8	Trần Thị Thanh Hà		25/01/1982	X	Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
9	Nguyễn Thị Hữu		17/07/1991	X	Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
10	Nguyễn Thị Thanh Diễm		26/09/1989	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
11	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	22/06/1989	X	Nhon Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
12	Trần Duy	Nhất	03/12/1988		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
13	Đặng Thị	Nhi	18/03/1987	X	Nhon Mỹ, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	KTV		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
14	Phạm Phúc	Linh	06/12/1994	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
15	Lê Thị Trúc	Linh	08/02/1995	X	Nhon Khánh, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	Toeic 450	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
16	Hoàng Cảnh	Hung	18/02/1993		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	A		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
17	Thân Thị	Tin	01/05/1987	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
18	Mai Thị	Yến	19/05/1988	X	Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	ĐH	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
19	Trần Ngọc	Chương	01/11/1992		Thị Nại, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	A		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
20	Trần Thị	Lăng	29/10/1987	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
21	Hồ Nguyễn Thiện	Dũng	15/11/1987		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
22	Huỳnh Thị Kim	Hương	19/09/1992	X	Đống Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
23	Vũ Phương	Ngọc	24/09/1992	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
24	Huỳnh Đông	Thành	15/02/1993		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
25	Lê Thị Xuân	Mai	02/09/1994	X	Cát Thành, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
26	Lê Thị Thanh	Thảo	15/10/1993	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
27	Phạm Y	Bình	21/12/1992	X	Đống Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
28	Trịnh Huỳnh Ái	Thơ	20/06/1987	X	Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
29	Hồ Thị Lệ	Hằng	04/10/1987	X	Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	ĐH Ngữ văn Anh	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn ngoại ngữ (ĐH Ngữ văn Anh)
30	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/07/1986	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
31	Trần Thanh	Loan	28/08/1996	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
32	Trương Thị Thùy	Dung	10/09/1986	X	Nhon Thành, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	Bậc 2	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
33	Nguyễn Thị Thanh	Sương	24/12/1997	X	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B1	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tài chính, kế toán	01.003				
	Quản lý quy hoạch - kế hoạch: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Nhất	Duy	16/12/1981		Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế và quản lý	B	Ứng dụng		Khối cơ quan văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý quy hoạch, kế hoạch	01.003				
2	Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y																
	Quản lý dịch bệnh: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Ngọc	Quyên	05/06/1992	X	Nhon Khánh, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Thú y	B	B		Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý dịch bệnh	01.003				
2	Đỗ Hạnh	Ngân	15/01/1995	X	Bình Hòa, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Thú y	B	CB		Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý dịch bệnh	01.003				
3	Nguyễn Thị Bích	Thùy	20/08/1981	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	CB		Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý dịch bệnh	01.003				
4	Huỳnh Trương Quốc	Đạt	18/02/1995		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Thú y	C	CB		Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý dịch bệnh	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Đặng Thị Thanh	Hà	20/03/1983	X	Nhon Phong, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	A		Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý dịch bệnh	01.003				
6	Phạm Hà	Nội	30/07/1983		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	B		Chỉ cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý dịch bệnh	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngành	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
	Quản lý dịch bệnh: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Phương	Thắm	27/10/1986	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Ngư y	B	A		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý dịch bệnh	01.003				
	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Huỳnh Thị Quý	Minh	08/10/1985	X	Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	B		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	01.003				
2	Lê Cẩm	Tiên	30/11/1996	X	Nhơn Thọ, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi	B	CB		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	01.003				
3	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/10/1994	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	B		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	01.003				
4	Trần Quốc	Hoàng	12/08/1986		Tây Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	B		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	01.003				
5	Võ Văn	Trọng	05/08/1980		Nhơn Hậu, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	B		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	01.003				
6	Dương Quốc	Hải	14/11/1983		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Chăn nuôi thú y	B	A		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	01.003				
	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Võ Huỳnh Tuyệt	Trình	16/04/1996	X	Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Thú y	B1	CB		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	01.003				
2	Từ Bảo	Ngọc	20/08/1993	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Thú y	B	B		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	01.003				
3	Phạm Thị	Nga	30/11/1994	X	Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Thú y	B	CB		Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo										
3	Chi cục Kiểm lâm																
	Kiểm lâm viên: 4 chỉ tiêu												10.226				
1	Trương Ngọc	Nhuận	07/12/1976		Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Lâm học	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
2	Huỳnh Thị	Hòa	26/11/1995	X	Nhon Tân, An Nhon, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	C	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
3	Lương Văn	Kiểm	13/12/1988		Canh Thuận, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226	DTTS			
4	Bùi Đức	Tín	01/11/1988		Hoài Hảo, Hoài Nhon, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
5	Thân Thiên	Ngọc	01/01/1996		Bình Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	C	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
6	Trần Minh	Hoàng	27/06/1997		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	C	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
7	Nguyễn Quốc	Định	23/02/1996		Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	C	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
8	Nguyễn Quốc	Nghiệp	25/09/1995		Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
9	Đậu Bá	Việt	20/03/1983		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
10	Huỳnh Công	Toàn	08/02/1995		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	C	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
11	Dương Văn	Ty	15/03/1994		Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Lâm nghiệp	C	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
	Kiểm lâm viên: 8 chỉ tiêu												10.226				
1	Nguyễn Thái	Cơ	25/08/1981		Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tín học (lý do)
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
2	Huỳnh Văn	Bang	06/12/1984		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
3	Võ Đức	Tài	01/05/1996		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	C	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
4	Nguyễn Cao	Kỳ	13/10/1986		Nhon An, An Nhon, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Lê Quốc	Tuấn	16/02/1989		Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
6	Nguyễn Minh	Nhật	12/02/1991		Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
7	Lê Thị Huyền	Trang	17/10/1997	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
8	Lê Thế	Dũng	12/05/1995		Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
9	Lê Thị Ka	Ly	25/05/1996	X	An Lão, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	C		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
10	Nguyễn Bá	Truyền	02/10/1974		Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Bậc 2	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
11	Trương Đại	Chúng	20/10/1995		Nhon Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
12	Nguyễn Minh	Trường	20/10/1997		Hoài Hảo, Hoài Nhon, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
13	Cao Thanh	Chung	10/01/1978		Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
14	Phan Thanh	Mạnh	11/03/1995		Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo										
15	Nguyễn Văn	Thọ	12/02/1986		Vĩnh Hảo, Vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
16	Nguyễn Thế	Quân	10/08/1985		Mỹ Phong, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	A		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
17	Nguyễn Thành	Tạo	10/06/1991		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
18	Đinh Thị	Loại	15/02/1992	X	Vĩnh Sơn, vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
19	Lê Văn	Nghĩa	11/02/1996		Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	CB		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226				
20	Phan Văn	Thành	17/07/1984		Mỹ Quang, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	B	B		Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	10.226	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
4	Chi cục Thủy lợi																
	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Thu	Thủy	29/01/1982	X	Phước Thắng, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ sư thủy lợi	B	A		Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003				
2	Phạm Đình	Hậu	20/06/1990		Cát Nhơn, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Cấp thoát nước	B	CB		Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003				
3	Trần Tuấn	Vỹ	18/10/1996		Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Cấp thoát nước	Toeic 420	CB		Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003				
4	Lê Thành	Viên	15/07/1993		Phước Thuận, Tuy phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	B	CB		Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003				
5	Trần Cẩm	Anh	04/02/1995	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật tài nguyên nước	C	CB		Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003				
	Quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão: 2 chỉ tiêu												01.003				
1	Võ Trung	Dũng	06/11/1992		Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	C	B	ĐH Kinh tế xây dựng và Quản lý dự án	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
2	Lê Văn	Trực	08/12/1987		Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Bậc 3	B	ĐH Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý đề điều và phòng, chống lụt bão	01.003				
5	Chi cục Thủy sản																
	Quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: 2 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thành	Phước	10/04/1989		Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	An toàn hàng hải	B	B		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	01.003				
2	Nguyễn Thành	Trì	10/10/1990		Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Khai thác thủy sản	B	A		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	01.003				
	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ tàu cá: 2 chỉ tiêu												01.003				
1	Bùi Minh	Hậu	20/08/1990		Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật tàu thủy	C	CB		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ tàu cá	01.003				
2	Đỗ Thành	Tây	20/08/1994		Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	C	B		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ tàu cá	01.003				
3	Võ Nguyên	Hoàng	22/10/1988		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật tàu thủy	B	CB		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ tàu cá	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
4	Lê Khắc	Hiệp	15/10/1982		Nhon Lộc, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	B	B		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ tàu cá	01.003				
5	Nguyễn Hữu	Cầu	10/04/1990		Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật tàu thủy	B	B		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ tàu cá	01.003				
6	Võ Phi	Nhã	16/06/1985		Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật tàu thủy	B	B		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ tàu cá	01.003				
	Quản lý nuôi trồng thủy sản: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đào Thị Hàn	Ly	16/05/1991	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Nuôi trồng thủy sản	C	A		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý nuôi trồng thủy sản	01.003				
2	Nguyễn Thành	Nguyên	29/08/1987		Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Nuôi trồng thủy sản	B	B		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý nuôi trồng thủy sản	01.003				
3	Trần Quang	Sang	10/09/1989		Nhon Mỹ, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Nuôi trồng thủy sản	B	A		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý nuôi trồng thủy sản	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngành	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
4	Lê Tấn	Phát	10/03/1982		Nhon Hưng, An Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản	B1	VP		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý nuôi trồng thủy sản	01.003				
5	Võ Thị Thanh	Tiến	23/03/1994	X	Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Nuôi trồng thủy sản	B1	B		Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý nuôi trồng thủy sản	01.003				
6	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật																
	Kiểm dịch viên thực vật: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Ngọc	Sỹ	15/11/1981		Nhon Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Khoa học cây trồng	B	B	Đại học ngành Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm dịch viên thực vật	01.003				
	Kiểm dịch viên thực vật: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Văn	Sanh	10/03/1990		Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Khoa học cây trồng	B	Ứng dụng	Tốt nghiệp Đại học ngành Nông học	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm dịch viên thực vật	01.003				
2	Hồ Quang	Thạch	20/05/1986		Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	Thạc sĩ	Khoa học cây trồng	B	B	Đại học ngành Nông học	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm dịch viên thực vật	01.003				
7	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản																
	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lê Nguyễn Thảo	Ly	19/03/1990	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	B	CB		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	01.003				
2	Thân Đặng	Nguyễn	20/08/1989		Mỹ Tài, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	C	B		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	01.003				
3	Lê Ngô	Quỳnh	21/08/1995	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Toeic 540	B		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
4	Võ Trần Anh	Vũ	20/10/1985	X	Điều Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	B	VP		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	01.003				
5	Trần Đào Kỳ	Duyên	11/09/1995	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ sau thu hoạch	C	B		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	01.003				
6	Trần Đại	Hải	21/12/1991		Phước Mỹ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Chế biến thủy sản	B	B		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	01.003				
XII	SỞ NGOẠI VỤ																
	Theo dõi công tác bảo hộ công dân và Người Việt Nam ở nước ngoài: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đoàn Thị Ngọc	Duyên	16/07/1993	X	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Ngôn ngữ Anh	B (Trung)	A	Chứng chỉ phiên dịch	Sở Ngoại vụ	Theo dõi công tác bảo hộ công dân và Người Việt Nam ở nước ngoài	01.003		ĐH		
2	Hồ Thị Thanh	Diễm	02/08/1991	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Tiếng Anh	B (Trung)	B	Phiên dịch (Certificate of Appreciation)	Sở Ngoại vụ	Theo dõi công tác bảo hộ công dân và Người Việt Nam ở nước ngoài	01.003		ĐH		
3	Lê Thị Minh	Nguyệt	12/11/1989	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Ngôn ngữ Anh	B (Trung)	CB	Biên phiên dịch tiếng Anh	Sở Ngoại vụ	Theo dõi công tác bảo hộ công dân và Người Việt Nam ở nước ngoài	01.003		ĐH		
	Phiên dịch: 1 chỉ tiêu												01.003				
	Văn thư, lưu trữ: 1 chỉ tiêu												02.007				
1	Bùi Thị	Nga	28/06/1991	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	B	B		Sở Ngoại vụ	Văn thư, lưu trữ	01.003	Con BB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
	Thanh tra, pháp chế: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Mai Bích	Ngọc	08/01/1993	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 670	B		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
2	Lê Thị Kim	Thoa	28/05/1997	X	Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 560	Nâng cao		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
3	Phan Thị Thanh	Thảo	20/04/1995	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	C	B		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
4	Trần Hoàng	Tú	27/02/1992		Mỹ Trinh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	A		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
5	Phan Vũ	Tuấn	17/01/1987		Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	B		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
6	Huỳnh Thị	Vân	20/10/1992	X	Nhơn Phong, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật học	B	A		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
7	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	06/03/1992	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	A		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
8	Nguyễn Thị	Thúy	20/11/1992	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật học	B	A		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
9	Nguyễn Đặng Thanh	Hương	27/10/1997	X	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 500	CB		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
10	Lê Thị Thu	Trà	07/10/1991	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	A		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
11	Lê Thị Thanh	Trang	27/01/1997	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật kinh tế	Ielts 5.5	Mos		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
12	Đoàn Thị Thanh	Trang	18/02/1997	X	Phù Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 545	Mos		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
13	Nguyễn Thanh	Bình	25/08/1996	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 625	Mos		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003				
14	Nguyễn Thị Phương	Đông	26/09/1997	X	Canh Hòa, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Luật học	B1	Nâng cao		Sở Ngoại vụ	Thanh tra, pháp chế	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
XIII	SỞ NỘI VỤ																
	Ban Tôn giáo																
	Quản lý tôn giáo: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Huỳnh Lê Quốc	Việt	19/02/1989		Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
2	Giã Thanh	Bình	08/04/1991		Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	CB		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
3	Huỳnh Ngọc	Thanh	10/05/1992		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	CB		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
4	Trần Xuân	Đạt	01/01/1990		Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C	CB		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
5	Nguyễn Chí	Thông	11/08/1985		Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
6	Huỳnh Minh	Đạt	06/02/1995		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C	B		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
7	Nguyễn Đức Hoàng	Tiến	15/02/1988		Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
8	Võ Nam	Sơn	17/10/1991		Mỹ Châu, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	A		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
9	Trần Công	Chức	26/07/1993		Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	KTV		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
10	Phạm Đức	Thương	02/11/1990		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Bậc 2	CB		Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Quản lý tôn giáo	01.003				
XIV	SỞ TÀI CHÍNH																
	Văn thư, lưu trữ kiêm thủ quỹ: 1 chỉ tiêu												02.007				
1	Trần Thị Trúc	Liên	30/01/1989	X	Thị Nai, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB	CD Quản trị văn phòng	Sở Tài chính	Văn thư, lưu trữ kiêm thủ quỹ	02.007				
2	Phạm Thu	Hồng	19/04/1992	X	Nhon Hòa, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B	Chứng chỉ Văn thư lưu trữ	Sở Tài chính	Văn thư, lưu trữ kiêm thủ quỹ	02.007				
	Hành chính tổng hợp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Phan Thị Hồng	Đức	02/12/1993	X	Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Sở Tài chính	Hành chính tổng hợp	01.003				
	Quản lý tài chính doanh nghiệp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lê Phạm Tú	Anh	17/04/1989		Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	B	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003				
2	Trần Thị Mạnh	Thi	30/12/1989	X	Mỹ Chánh Tây, Phù Mỹ, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	B	B	ĐH Kế toán	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003				
3	Lê Thu	Giang	09/09/1989	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	ĐH	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
4	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	02/12/1987	X	Thị Nai, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	ĐH	B	ĐH Kế toán	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
5	Bùi Thị Thanh	Lý	28/06/1992	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	C	B	ĐH Kế toán	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003				
6	Huỳnh Xuân Hoàng	My	24/06/1993	X	Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	C	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003				
7	Hồ Đức	Vinh	20/11/1991		Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	C	B	ĐH Kế toán	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003				
8	Trần Thị Quỳnh	Như	02/04/1992	X	Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	Bậc 3	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003				
9	Huỳnh Thị Diễm	Chi	21/06/1992	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	B	A	Đại học Kế toán	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
XV	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG																
	Chi cục Quản lý đất đai																
	Kế toán: 1 chỉ tiêu												06.031				
1	Lê Kim	Hoài	15/06/1993	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
2	Huỳnh Thị Thiện	Anh	10/10/1986	X	Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	ĐH	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031	Con TB	ĐH		Bổ sung chứng nhận ưu tiên; điều kiện miễn thi ngoại ngữ
3	Đỗ Thị Hồng	Mỹ	16/09/1985	X	Tây An, Tây Son, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
4	Phạm Phối	Phối	20/10/1994	X	Nhơn Châu, Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
5	Nguyễn Thị Nður	Ý	24/03/1991	X	An Tân, An Lão, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
6	Nguyễn Thị	Oanh	12/08/1987	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
7	Nguyễn Thị Mính	Hiền	25/10/1988	X	Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
8	Bùi Văn	Tám	20/08/1993		An Tân, An Lão, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
9	Nguyễn Đương Anh	Vũ	02/09/1990		Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
10	Đặng Thị Ngọc	Tuyết	30/09/1984	X	Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	KTV		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
11	Lê Thị Xuân	Phương	16/11/1993	X	Hoài Hào, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
12	Nguyễn Thị	Tinh	01/02/1987	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
13	Huỳnh Thị Thúy	Mai	11/07/1981	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
14	Võ Kim	Hoàng	28/11/1983	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
15	Nguyễn Thị Cầm	Vân	21/04/1988	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
16	Võ Thị Út	Hiền	16/03/1987	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	KTV		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
17	Nguyễn Thị	Hạnh	20/12/1980	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
18	Hồ Thị	Tuyết	19/02/1986	X	Ân Phong, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	VP		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
19	Lê Hoài	Thảo	11/11/1992		Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	B1	B		Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kế toán	06.031				
XVI	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG																
	Quản lý báo chí: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Bùi Thị Thanh	Tuyền	10/03/1993	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Văn học	B	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
2	Chung Nguyễn Mộng	Quỳnh	14/07/1994		Nhơn Hội, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn học	B	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
3	Lê Huỳnh Kiều	Ý	15/06/1997		Trần Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn học	C	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
4	Bùi Ngọc	Phước	22/10/1991		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Báo chí	C	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
5	Nguyễn Thị Mỵ	Nương	02/09/1993	X	Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Văn học	B	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
6	Huỳnh Thị Hằng	Ny	01/06/1992	X	Ân Mỹ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
7	Ngô Thị	Lắm	20/08/1987	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
8	Trần Phạm Minh	Trang	17/07/1993		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
9	Đỗ Thị Phở	Tiệm	20/08/1994		Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
10	Ngô Thị	Sương	02/06/1986	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	- Đại học; - Thạc sĩ	- Báo chí và truyền thông; - Ngữ văn.	B	B		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
11	Nguyễn Thị Hoàng	Tinh	06/04/1997	X	Phước Thuận, Tuy phước, Bình Định	Đại học	Văn học	B	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
12	Nguyễn Thị Bích	Hậu	10/10/1995	X	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
13	Đỗ Nguyễn Thúy	Tuyển	04/09/1997		Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Văn học	C	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
14	Bùi Thị Hồng	Trang	09/01/1987	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Báo chí	B	Đại cương		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
15	Lê Thị Minh	Hiền	09/08/1997	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn học	Bậc 2	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
16	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	03/07/1982	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B1	CB		Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý báo chí	01.003				
XVII	SỞ TƯ PHÁP																
	Công nghệ thông tin: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Xuân	Nam	25/09/1981		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	C	ĐH		Sở Tư pháp	Công nghệ thông tin	01.003			ĐH	
2	Dương Văn	Hiếu	01/01/1988		Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Tư pháp	Công nghệ thông tin	01.003	Con TB		ĐH	Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Trương Minh	Tuấn	30/01/1994		Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Tư pháp	Công nghệ thông tin	01.003			ĐH	
4	Lê Chí	Nghĩa	12/06/1983		Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Tư pháp	Công nghệ thông tin	01.003			Ths	
5	Trương Đình	Lịch	18/04/1994		Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Sở Tư pháp	Công nghệ thông tin	01.003			ĐH	
6	Huỳnh Minh	Bách	16/09/1991		Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Khoa học máy tính	B	ĐH		Sở Tư pháp	Công nghệ thông tin	01.003			ĐH	
	Quản lý hành chính tư pháp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Thị	Biên	19/02/1995	X	Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 480	CB		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				
2	Trần Việt	Trung	28/07/1992		Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
3	Phan Thị	Truyền	10/05/1992	X	Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật học	B	B		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				
4	Nguyễn Lê Thanh	Hoài	14/11/1997		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 475	B		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				
5	Đoàn Thị Mỹ	Linh	02/03/1997	X	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật	B1	CB		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				
6	Huỳnh Ngọc	Đông	20/06/1997		Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật	C	CB		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				
7	Huỳnh Minh	Khoa	27/05/1987		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	C	Ứng dụng		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				
8	Nguyễn Trùng	Dương	26/03/1992	X	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật	B1	CB		Sở Tư pháp	Quản lý hành chính tư pháp	01.003				
XVIII	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO																
	Quản lý thể dục, thể thao: 2 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Minh	Khoa	26/12/1995		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Giáo dục thể chất	B	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
2	Đỗ Thị Kim	Yến	20/10/1991	X	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao-GDTC	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
3	Võ Thanh	Hải	12/12/1997		Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Giáo dục thể chất	C	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003	SQDB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
4	Nguyễn Duy	Hoàng	20/11/1989		Mỹ Cát, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Giáo dục thể chất	C	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Tạ Công Châu	Hòa	21/09/1984		Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Giáo dục thể chất	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
6	Nguyễn Tuấn	Anh	12/04/1993		Đập Đá, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Huấn luyện thể thao	C	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
7	Trần Minh	Thiện	25/03/1992		Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Giáo dục thể chất - Quốc phòng	Bậc 2	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
8	Phan Thị	Thôm	20/02/1991	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Huấn luyện thể thao	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
9	Trần Nguyễn Thu	Sương	08/06/1997		Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Huấn luyện thể thao	B	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
10	Nguyễn Bá	Hiếu	13/10/1987		Bình Nghi, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Giáo dục thể chất	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
11	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	01/08/1997	X	Cát Sơn, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Sư phạm Giáo dục thể chất	B	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				
12	Nguyễn Tuấn	Anh	08/11/1989		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Giáo dục thể chất	Bậc 3	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản lý thể dục, thể thao	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo										
	Quản trị công sở: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	11/09/1995	X	Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Hệ thống thông tin quản lý	B1	ĐH		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản trị công sở	01.003				ĐH
2	Lê Thị Mỹ	Hằng	15/08/1998	X	Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Hệ thống thông tin quản lý	Toeic 725	ĐH		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản trị công sở	01.003				ĐH
3	Lê Đình	Truyền	12/06/1985		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Hệ thống thông tin kinh tế	B	ĐH		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản trị công sở	01.003				ĐH
4	Nguyễn Thị	Hải	20/03/1988	X	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Hệ thống thông tin kinh tế	B	ĐH		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản trị công sở	01.003	Con TB			ĐH
5	Võ Hoàng Mỹ	Linh	10/02/1983	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Hệ thống thông tin kinh tế	B	CĐ		Sở Văn hóa và Thể thao	Quản trị công sở	01.003				CĐ
	Kế toán: 1 chỉ tiêu												06.031				
1	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/12/1996	X	Tây Vinh, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
2	Tô Nhật	Ni	19/09/1988	X	Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Võ Thị Phương	Ngân	20/01/1992	X	Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
4	Lê Thị Kim	Vi	20/04/1990	X	Phủ Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
5	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/10/1991	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
6	Hồ Thị Minh	Khan	10/10/1993	X	Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
7	Phan Thị Lệ	My	20/09/1995	X	Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
8	Phan Thị Hồng	Ánh	07/07/1987	X	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
9	Trương Thị Mỹ	Huyền	24/11/1991	X	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
10	Đỗ Thị Bé	Ty	07/09/1987	X	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CĐ		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				CĐ
11	Diệp Huỳnh Thảo	Linh	03/01/1996	X	Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	Bậc 3	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Kế toán	06.031				
	Hành chính tổng hợp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Bùi Vũ Bảo	Trâm	06/10/1990	X	Phủ Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	VP		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tín học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
2	Đỗ Bùi Mộng	Trinh	07/12/1997	X	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
3	Hà Tổ	Quyên	26/03/1997	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
4	Nguyễn Thanh	Hoài	02/08/1996		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
5	Trần Thị Mỹ	Duyên	12/04/1996	X	Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	Ứng dụng		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
6	Lê Mạnh	Hải	25/08/1997		Hoài Hào, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
7	Nguyễn Thị	Tùng	20/10/1995	X	Hoài Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
8	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	24/12/1992	X	Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
9	Lê Nguyễn Phương	Thảo	22/09/1988	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	KTV		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
10	Chế Thị Kim	Ngân	04/07/1996	X	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
11	Trần Nguyễn Thanh	Dung	26/07/1997	X	Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
12	Trần Quốc	Vương	16/11/1997		Trần Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B1	CB		Sở Văn hóa và Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003				
XIX	SỞ XÂY DỰNG																
	Quản lý quy hoạch kiến trúc: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Phan Thành	Tâm	01/01/1993		Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	B		Sở Xây dựng	Quản lý quy hoạch kiến trúc	01.003				
2	Võ Thanh	Quốc	11/05/1983		Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	A		Sở Xây dựng	Quản lý quy hoạch kiến trúc	01.003				
3	Hà Nguyễn Anh	Khoa	16/12/1990		Mỹ Quang, Phù Mỹ, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	A		Sở Xây dựng	Quản lý quy hoạch kiến trúc	01.003				
	Quản lý quy hoạch kiến trúc: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đào Quý	Việt	24/03/1994		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quy hoạch vùng và Đô thị	B	B		Sở Xây dựng	Quản lý quy hoạch kiến trúc	01.003				
XX	SỞ Y TẾ																
1	Khối cơ quan văn phòng sở																
	Quản lý nghiệp vụ được: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Hồ Thu	Thảo	05/01/1992		Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Dược	B	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
2	Nguyễn Thị Thu	Trâm	25/10/1990	X	Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Dược	B	A		Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
3	Trần Thị Biên	Giang	20/10/1993	X	Xuân Thành, Sông Cầu, Phú Yên	Đại học	Dược	Toeic 555	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
4	Nguyễn Anh	Khoa	23/04/1993		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Dược	B	B		Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
5	Trần Thị Ngọc	Thoa	18/03/1993	X	Hoài Phú, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Dược	B	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
6	Nguyễn Hoàng	Chung	02/11/1993		Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Dược	C	CB		Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
	Quản lý tài chính - kế toán: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Hồ Thanh	Kiều	26/05/1990		Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Bậc 4	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
2	Đỗ Thị Thùy	Trang	21/01/1990		Nhơn Hòa, An Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	C	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
3	Đặng Nguyễn Việt	Thương	23/03/1994		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	C	B	ĐH Tài chính - Ngân hàng	Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003				
4	Trần Thị Ngọc	Lan	03/06/1984	X	Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	TC	ĐH Kế toán - Kiểm toán	Khối cơ quan văn phòng, Sở Y tế	Quản lý nghiệp vụ được	01.003		ĐH	TC	Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ, tin học
2	Chỉ cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình																
	Thanh tra dân số - Kế hoạch hóa gia đình: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đặng Thị Bích	Liễu	20/06/1983	X	Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Chỉ cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	Thanh tra dân số - kế hoạch hóa gia đình	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Nguyễn	Hoàng	30/11/1993		Hoài Phú, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Chỉ cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	Thanh tra dân số - kế hoạch hóa gia đình	01.003				
3	Trần Tuấn	Kiệt	30/08/1997		Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 365	CB		Chỉ cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	Thanh tra dân số - kế hoạch hóa gia đình	01.003				
3	Chỉ cục An toàn vệ sinh thực phẩm																
	Hành chính tổng hợp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Đình	Cường	20/11/1992		Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Chỉ cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
2	Trần Thị Ngọc	Trâm	31/08/1995	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	B		Chỉ cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
3	Phạm Thị Kim	Hiền	19/10/1993	X	Tam Quan, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Chỉ cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo										
4	Nguyễn Thị Bích	Kiều	16/06/1995	X	Nhon Thành, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	Bậc 2	B		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
5	Huỳnh Thị Thúy	Ngân	11/10/1997	X	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
6	Nguyễn Thị Hoa	Đào	24/06/1988	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	C	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
7	Trần Quý	Đạt	02/07/1997		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
8	Lê Huỳnh Ngọc	Trúc	06/11/1995		Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
9	Nguyễn Thanh	Vương	16/02/1996		Ấn Mỹ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
10	Dương Thị Vân	Anh	04/01/1991	X	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	B	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Hành chính tổng hợp	01.003				
	Quản lý an toàn thực phẩm: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thanh	Tú	29/09/1994		Phường 2, Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học	Y học dự phòng	B1	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003				
2	Kiều Ngọc	Diệp	14/04/1993		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Y học dự phòng	B	CB		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003				
	Quản lý ngộ độc thực phẩm: 1 chỉ tiêu												01.003				
XXI	THANH TRA TỈNH																
	Văn thư, lưu trữ: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Phan Thị Hoàng	Oanh	25/01/1989	X	An Tân, An Lão, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	B	CB		Thanh tra tỉnh	Văn thư, lưu trữ	01.003				
2	Nguyễn Thị	Nga	11/02/1986	X	An Nhơn, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	B	CB		Thanh tra tỉnh	Văn thư, lưu trữ	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
	Thanh tra kinh tế - xã hội: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24/06/1995	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kiểm toán	B	B		Thanh tra tỉnh	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
2	Lê Nữ Thúy	Ngân	27/11/1993	X	Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kiểm toán	C	B		Thanh tra tỉnh	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
3	Nguyễn Minh	Trí	19/03/1996		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kiểm toán	C	CB		Thanh tra tỉnh	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
4	Phan Minh	Dưỡng	02/01/1992		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kiểm toán	B	B		Thanh tra tỉnh	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo										
5	Đào Thanh	Bình	20/07/1984	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán Kiểm toán	B	CB		Thanh tra tỉnh	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo: 2 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Minh	Cảnh	19/05/1983		Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật kinh doanh	B	B		Thanh tra tỉnh	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Hoàng Minh	Tuấn	11/09/1988		Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật kinh doanh	B	B		Thanh tra tỉnh	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003				
3	Dương Thu	Hương	06/05/1989	X	Thị Nại, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật kinh doanh	C	A		Thanh tra tỉnh	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003				
4	Nguyễn Phan Hồng	Thu	21/03/1996	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật kinh doanh	Toeic 570	CB		Thanh tra tỉnh	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003				

Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự tuyển: 640 thí sinh.

Phụ lục II
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2020 (KHỐI UBND CẤP HUYỆN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
B	KHỐI UBND CẤP HUYỆN																
I	UBND HUYỆN HOÀI ÂN																
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng																
	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Ngô Cửu	Nhi	02/06/1984		Tăng Hạt Hồ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc	01.003				
2	Nguyễn Tổ	Nghị	07/11/1985		An Tường Tây, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc	01.003				
3	Trần Sỹ	Hiệu	02/09/1987		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc	01.003				
4	Nguyễn Anh	Tuyên	24/09/1992		An Lão, An Lão, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc	01.003				
5	Trần Đình	Ca	14/02/1991		An Hào Đông, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc	01.003				
6	Võ Văn	Quốc	03/11/1984		Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc	01.003	Con TB		Bổ sung chứng nhận ưu tiên	
7	Dương Minh	Thi	29/09/1981		Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	A		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý xây dựng, quy hoạch, kiến trúc	01.003				
	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đỗ Thái	Bảo	01/12/1995		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật điện, điện tử	C	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003				
2	Trương Quang	Thắng	01/08/1981		An Tín, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật điện, điện tử	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003				
3	Phạm Đăng	Khoa	02/11/1990		Nhơn Hòa, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật điện	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
4	Đặng Văn	Ngà	15/11/1987		Ngô Mỹ, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Trương Nam	Phú	27/04/1988		Tam Quan, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật điện, điện tử, viễn thông	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch																
	Quản lý tài chính, ngân sách: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Thị Kim	Chi	19/10/1988	X	Phước Mỹ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
2	Nguyễn Thị	Nhung	01/08/1978	X	Ấn Tường Tây, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
3	Hồ Thị	Ly	22/01/1989	X	Tầng Bạt Hồ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
4	Nguyễn Lê Bích	Trâm	18/10/1991	X	Ấn Thạnh, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
5	Nguyễn Thị Hồng	Lụa	20/09/1992	X	Ấn Hào Tây, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
6	Phan Thị Thanh	Thoại	11/09/1992	X	Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003	Con BB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
7	Lê Thị Bích	Loan	04/08/1991	X	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
8	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	21/02/1988	X	Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
9	Bạch Thanh	Sang	10/05/1984		Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
10	Nguyễn Thị	Lưu	10/01/1993	X	Ấn Tường Tây, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
11	Nguyễn Thị	Thảo	10/02/1984	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
12	Huỳnh Thị	Trâm	10/11/1992	X	Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
13	Trần Thị Lệ	Huyền	06/10/1991	X	Tăng Bạt Hồ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội																
	Quản lý chính sách người có công: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đình Hồng	Quân	18/11/1990		An Trung, An Lão, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý chính sách người có công	01.003	DTTS			
2	Hoàng Thị Ngọc	Tú	15/02/1988	X	Ân Tường Tây, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Luật	B	A		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý chính sách người có công	01.003				
3	Lê Thị	Tới	18/05/1990	X	Ân Phong, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, huyện Hoài Ân	Quản lý chính sách người có công	01.003				
4	Phạm Thị Trúc	Ly	22/04/1991	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, huyện Hoài Ân	Quản lý chính sách người có công	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Phạm Ngọc	Thái	10/06/1988		Ân Hữu, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, huyện Hoài Ân	Quản lý chính sách người có công	01.003				
4	Thanh tra huyện																
	Thanh tra kinh tế - xã hội: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Võ Thị Ngọc	Diễm	08/09/1995	X	Hoài Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Thanh tra, UBND huyện	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
2	Võ Thị	Thảo	20/03/1989	X	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	KTV		Thanh tra, UBND huyện	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
3	Trần Đình	Nhịn	15/10/1985		Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
4	Trần Thị Thu	Hường	28/04/1986	X	Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
5	Trần Thị Kiều	An	01/04/1987	X	Ân Hữu, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
6	Mai Thị Lan	Phuong	09/04/1987	X	Ân Hữu, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
7	Huỳnh Thị Thủy	Triều	01/04/1993	X	Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
8	Nguyễn Mạnh	Quân	24/06/1989		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
9	Nguyễn Thị	Thu	28/08/1988	X	Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
10	Lê Thị	Hoa	01/01/1991	X	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
11	Ngô Thị Mộng	Huyền	18/02/1989	X	Ân Tường Tây, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
12	Phạm Thị Mỹ	Nga	10/08/1990	X	Tam Quan, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
13	Luận Thị	Thi	29/07/1989	X	Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
14	Nguyễn Thị Hồng	Liều	01/05/1990	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
15	Thái Thị Kim	Chi	29/06/1993	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	C	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
16	Võ Danh	Nghiệp	17/12/1984		An Tân, An Lão, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
17	Trần Thị Lê	Na	19/06/1995	X	Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Thanh tra, UBND huyện Hoài Ân	Thanh tra kinh tế - xã hội	01.003				
5	Phòng Y tế																
	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Hoài	Thu	13/12/1996	X	Tây Xuân, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Toeic 415	A		Phòng Y tế, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm	01.003				
2	Trần Thị Ngọc	Trang	05/11/1993	X	Hoài Đức, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	B	B		Phòng Y tế, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	01.003				
3	Nguyễn Thị	Ý	02/09/1991	X	Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	B	B		Phòng Y tế, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	01.003				
6	Phòng Nội vụ																
	Quản lý thi đua, khen thưởng: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trình Thị	Hào	16/02/1996	X	Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	C	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý thi đua, khen thưởng	01.003				
2	Lưu Văn	Bảo	02/02/1981		Ân Phong, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B	A		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý thi đua, khen thưởng	01.003	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Nguyễn Ngọc Long	Hải	30/01/1997	X	Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	B1	A		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Quản lý thi đua, khen thưởng	01.003				Bảng đại học và tiếng Anh B1 do Trường Đại học Công nghệ TP Hồ Chí Minh cấp
	Cải cách hành chính: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Minh	Cảnh	12/12/1989		Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Võ Thị Tường	Duyên	24/08/1997	X	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
3	Nguyễn Thị Thanh	Diễm	02/06/1995	X	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
4	Trần Hoàng	Tuấn	12/01/1994		Mỹ Trinh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
5	Đình Văn	Ninh	08/05/1995		Ân Sơn, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003	DTTS			
6	Nguyễn Minh	Đức	09/01/1993		Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	A		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
7	Trần Hoàng Hồng	Thắm	28/08/1996	X	Ấn Đức, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
8	Đặng Thị Bích	Phượng	17/11/1986	X	Hoài Đức, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
9	Phạm Đình	Sửa	20/01/1993		Nhơn Thọ, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
10	Lê Thị Hồng	Cầm	15/12/1996	X	Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
11	Trần Thị Kim	Anh	06/04/1997	X	An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Hoài Ân	Cải cách hành chính	01.003				
II	UBND HUYỆN HOÀI NHƠN																
1	Phòng Quản lý đô thị																
	Quản lý quy hoạch, kiến trúc: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Văn	Dũng	02/01/1989		Hoài Sơn, Hoài Nhơn	Đại học	Kiến trúc công trình	B	B		Phòng Quản lý đô thị, UBND huyện Hoài Nhơn	Quản lý quy hoạch, kiến trúc	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Phòng Tư pháp																
	Hành chính tư pháp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trương Thị Trà	My	14/06/1996	X	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20/11/1992	X	Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	ĐH	CB		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
3	Nguyễn Trung	Tín	31/03/1993		Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				
4	Huỳnh Hữu	Tân	25/10/1987		Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	C	CB		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				
5	Trần Tấn	Đạt	19/05/1988		Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	C	CB		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				
6	Trương Thị Thúy Duy		01/01/1992	X	Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
7	Trần Thúy	Kiều	27/09/1994	X	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	TOEIC 525	B		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				
8	Nguyễn Thị Nhật	Minh	13/07/1995	X	Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	TOEIC 485	B		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				
9	Võ Thị Hồng	Tuyền	04/09/1996	X	Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	TOEIC 540	B		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				
10	Nguyễn Thị Ngọc	Thoa	10/02/1997	X	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
11	Nguyễn Thị Huyền	Linh	13/04/1997	X	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B1	CB		Phòng Tư pháp, UBND huyện Hoài Nhơn	Hành chính tư pháp	01.003				ĐH Đà Lạt cấp bằng đại học và tiếng Anh B1
III	UBND HUYỆN PHÙ CÁT																
1	Văn phòng HĐND và UBND																
	Quản lý xây dựng, giao thông vận tải: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Thân Trọng	Nhật	20/10/1989		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	A		Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Cát	Quản lý xây dựng, giao thông vận tải	01.003				
2	Võ Văn	Thuyền	19/02/1983		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Cát	Quản lý xây dựng, giao thông vận tải	01.003				
3	Huỳnh Ngọc	Thanh	17/4/1984		Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B	A		Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Cát	Quản lý xây dựng, giao thông vận tải	01.003				
4	Lê Kim	Lĩnh	10/02/1993		Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B	CB		Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Cát	Quản lý xây dựng, giao thông vận tải	01.003				
5	Lê Tấn	Tựu	01/03/1991		Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Cát	Quản lý xây dựng, giao thông vận tải	01.003				
6	Đặng Thị Thùy	Trang	09/4/1991	X	Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	KTV		Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Cát	Quản lý xây dựng, giao thông vận tải	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
IV	UBND HUYỆN PHÙ MỸ																
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																
	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Ngô Thị Tuyết	Phương	10/05/1993	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
2	Tướng Hồng	Việt	03/02/1989		Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
3	Trương Thị Sáu	Thân	18/08/1990	X	Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
4	Lê Hữu	Nghĩa	17/05/1995		Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
5	Nguyễn Thu	Hiền	18/04/1993	X	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
6	Nguyễn Thị	Thu	15/10/1990	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
7	Lương Quốc	Thành	12/01/1989		Diên Hồng, Pleiku, Gia Lai	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	B	KTV		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
8	Phan Thế	Duy	12/04/1987		Canh Hòa, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	CB		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Phù Mỹ	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đội viên dự 600		Bổ sung chứng nhận ưu tiên	

[illegible]

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lê Thị Thanh	Thùy	24/07/1987	X	Nhon Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
2	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	28/06/1991	X	Thành phố Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
3	Nguyễn Thị	Nhật	28/09/1987	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
4	Nguyễn Thị Bích	Phương	10/09/1988	X	Nhon Lộc, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Xã hội học	B	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
5	Đặng Thị Thu	Huệ	28/08/1994	X	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
6	Phan Thị Nữ	Sinh	12/11/1994	X	Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
7	Võ Công	Diện	06/12/1993		Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
8	Nguyễn Thị	Nữ	02/02/1994	X	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
9	Nguyễn Thị	Chiến	02/09/1991	X	Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
10	Nguyễn Thị	Bé	19/10/1990	X	Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	A		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				
11	Đinh Thị Minh	Ngọc	27/02/1988	X	Tây Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Văn học	B	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
12	Trương Thị Hồng	Ngọc	03/02/1994	X	Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
13	Trần Thị Ngọc	Huyền	18/09/1997	X	KBang, KBang, Gia Lai	Đại học	Công tác xã hội	B1	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003				Đại học loại Giỏi
14	La O Thị	Vương	22/12/1997	X	Canh Thuận, Văn Canh, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	A2	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tây Sơn	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	01.003	DTTS			
3	Văn phòng HĐND và UBND																
	Hành chính tổng hợp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Huỳnh Quang	Dương	03/10/1989		Tây Phú, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Luật	C	B		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Hành chính tổng hợp	01.003				
2	Tô Thị Mỹ	Hào	04/05/1992	X	Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Hành chính tổng hợp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Trương Thị Thủy	Hằng	26/10/1991	X	Tây An, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Hành chính tổng hợp	01.003				
	Quản lý văn thư, lưu trữ: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Xuân	Yên	25/08/1991	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	B	B		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Quản lý văn thư, lưu trữ	01.003				
4	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																
	Quản lý thủy lợi: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Phi	Dũng	14/05/1981		Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng thủy lợi - thủy điện	C	KTV		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Tây Sơn	Quản lý thủy lợi	01.003				
5	Phòng Văn hóa và Thông tin																
	Quản lý văn hóa và du lịch: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Bùi Nữ Ái	Thi	21/05/1984	X	Nhơn Hạnh, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý văn hóa	B	B		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện	Quản lý văn hóa và du lịch	01.003				
2	Nguyễn Văn	Phong	22/10/1984		Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Quản lý văn hóa	C	B		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện	Quản lý văn hóa và du lịch	01.003				
3	Phạm Khắc	Thân	10/07/1987		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý văn hóa	B	CB		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện	Quản lý văn hóa và du lịch	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngành	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
4	Trần Nguyên Hồng	Mai	29/03/1982	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Văn hóa du lịch	B	B		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện	Quản lý văn hóa và du lịch	01.003				
5	Ngô Thị Ngọc	Hân	02/08/1994	X	Tây Phú, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Văn hóa du lịch	B	B		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện	Quản lý văn hóa và du lịch	01.003				
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng																
	Quản lý xây dựng: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Ngô Ngọc	Tân	02/10/1986		Tây Xuân, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tây Sơn	Quản lý xây dựng	01.003				
2	Trần Quốc	Bảo	07/01/1992		Hoài Tân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tây Sơn	Quản lý xây dựng	01.003	Con BB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Đỗ Thanh Trúc	Linh	03/02/1988		Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tây Sơn	Quản lý xây dựng	01.003				
VI	UBND HUYỆN TUY PHƯỚC																
1	Phòng Nội vụ																
	Quản lý tôn giáo: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đoàn Thị	Nghiệt	15/02/1996	X	Canh Hiệp, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	C	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003	DTTS			
2	Huỳnh Thế Phương	Quân	30/01/1995		Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				
3	Trương Thị Thu	An	25/09/1993	X	Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				
4	Nguyễn Trần Thảo	Vy	22/12/1991	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Hành chính học	ĐH	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003		ĐH		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
5	Bùi Vũ Thế	Trâm	26/03/1987	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	KTV		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				
6	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/12/1990	X	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Hành chính học	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				
7	Võ Thu	Nhi	20/05/1991	X	Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				
8	Trần Thị Thu	Thanh	13/03/1996	X	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				
9	Trần Quốc	Toàn	29/01/1992		Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
10	Nguyễn Thị Thu	Thùy	02/03/1993	X	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				
11	Nguyễn Minh	Bính	10/04/1986		Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Quản lý hành chính công	ĐH	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003	Đội viên Đề án 500	ĐH		Bổ sung chứng nhận ưu tiên; miễn thi ngoại ngữ
12	Trương Phúc	An	05/02/1995		Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	B1	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý tôn giáo	01.003				Bằng Đại học và tiếng Anh B1 do Trường ĐH Quy Nhơn cấp
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng																
	Quản lý xây dựng: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lê Thành	Tâm	19/09/1988		Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp	C	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
2	Nguyễn Thanh	Tiếng	20/11/1990		Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	C	KTV		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Nguyễn Quang	Thắng	27/08/1991		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
4	Lê Hữu Hoàng	Dự	01/07/1986		Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	C	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
5	Lê Tấn	Tài	05/07/1994		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Toeic 510	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
6	Đoàn Thanh	Phong	04/06/1984		Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
7	Phan Trần Hữu	Thế	28/05/1995		Cát Lâm, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	Autocad 2D		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
8	Nguyễn	Âu	23/01/1993		Phước Thắng, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
9	Ngô Thanh	Sự	10/04/1994		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
10	Nguyễn Quốc	Hữu	10/03/1992		Vân Canh, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
11	Lê Hữu	Trí	16/04/1992		Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	KTV		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
12	Đặng Thanh	Tấn	29/09/1993		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
	Họ; tên đệm	Tên				Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
13	Lê Quang	Toàn	05/04/1990		Vĩnh Hảo, Vĩnh Thanh, Bình Định	Đại học	Xây dựng công trình ngầm đô thị	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý xây dựng	01.003				
	Quản lý giao thông vận tải, đô thị: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Lương Văn	Lộc	05/03/1995		Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toeic 445	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
2	Võ Thành	Luân	20/05/1986		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
3	Lê Bá Tâm	Phụng	06/06/1976		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	C	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
4	Huỳnh Thái	Trung	02/06/1994		Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	A		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
5	Trần Minh	Cánh	06/08/1983		Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
6	Trần Thanh	Tùng	20/11/1988		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
7	Phạm Tích	Quốc	19/03/1992		Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
8	Đặng Cao	Nhẫn	15/04/1996		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toeic 715	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
9	Nguyễn Thanh	Liêm	10/10/1986		Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
10	Nguyễn Văn	Trung	02/07/1988		Nhơn Lộc, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
11	Nguyễn Sơn	Hà	01/01/1991		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
12	Lê Duy	Khánh	16/01/1990		Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	C	A		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				
13	Nguyễn Hồng Hoàng	Ngọc	01/04/1988		Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý giao thông vận tải, đô thị	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường																
	Quản lý đất đai và môi trường: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đặng Y	Bình	31/08/1996	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
2	Ngô Lê Bảo	Hà	01/06/1994	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
3	Phan Thị	Dung	06/10/1987	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	A		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003	Con người NCD HH			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
4	Đào Vũ	Hân	11/07/1997	X	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
5	Lê Thị	Sim	12/06/1995	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
6	Lê Đức	Toàn	01/05/1990		Hoài Đức, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	A		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
7	Nguyễn Thị Kim	Cúc	06/02/1996	X	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
8	Trần Thị Thảo	Ly	09/02/1993	X	Ân Phong, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai	01.003				
9	Trần Thị Thu	Hà	10/12/1995	X	Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
10	Vương Thị Bảo	Nhi	25/08/1986	X	Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	A		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
11	Lê Thị Thanh	Tú	15/03/1995	X	Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
12	Nguyễn Thị Thanh	Ngà	14/09/1994	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
13	Nguyễn Ngọc	Báu	20/06/1997		Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
14	Bùi Thanh	Hồng	26/11/1994	X	Mỹ Cát, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
15	Diệp Thị Hồng	Nhung	16/06/1996	X	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
16	Đoàn Thanh	Tuấn	15/11/1993		Đổng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
17	Nguyễn Anh	Thạch	03/04/1990		Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
18	Nguyễn Thị Hồng	Loan	20/10/1991	X	Cát Tường, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
19	Trần Nguyễn Kim	Ngân	13/07/1997	X	Trần Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
20	Lê Thị Như	Sang	06/05/1996	X	An Lão, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
21	Lê Thị Ngọc	Sương	07/02/1997	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
22	Diệp Thị Thu	Hiền	03/02/1990	X	Canh Hiền, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
23	Trần Anh	Thư	16/04/1997	X	Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
24	Nguyễn Trung	Hiếu	12/12/1992		Ngô Mỹ, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
25	Nguyễn Văn	Hòa	20/04/1994		Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
26	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	14/05/1992	X	Ngô Mỹ, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
27	Bùi Thanh	Ánh	26/11/1994	X	Mỹ Cát, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
28	Lê Hồng	Nguyên	25/01/1984		Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
29	Lê Vũ Như	Trúc	02/06/1995	X	Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
30	Huỳnh Công	Bảo	01/10/1993		Hoài Thanh Tây, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	C	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
31	Trương Thị Như	Thúy	06/12/1993	X	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
32	Nguyễn Thị Bích	Loan	26/01/1990	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
33	Huỳnh Minh	Châu	12/03/1994		Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
34	Lê Đặng Tổ	Hoàng	16/10/1994	X	Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				
35	Nguyễn Thành	Hung	06/04/1992		Cát Tài, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Địa chính	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý đất đai và môi trường	01.003				

[illegible]

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
	Thanh tra: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trương Phi	Hồng	12/10/1987		Tây Thuận, Xây Sơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	C	B		Thanh tra, UBND huyện	Thanh tra	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
2	Lê Minh	Tự	20/03/1983		Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Dương Minh	Cường	06/11/1981		Hải Cảng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	C	CB		Thanh tra, UBND huyện	Thanh tra	01.003				
4	Dương Nhật	Linh	20/06/1990		An Hòa, An Lão, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	B	B		Thanh tra, UBND huyện	Thanh tra	01.003				
5	Võ Tấn	Phuong	16/06/1987		Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
6	Nguyễn Việt	Trí	26/06/1992		Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	C	CB		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
7	Nguyễn Xuân	Hồng	29/05/1982		Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
8	Nguyễn Phúc	Hải	11/08/1987		Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	B		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
9	Đoàn Minh	Hiếu	20/07/1991		Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	CB		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
10	Nguyễn Trần Thế	Anh	10/10/1989		Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	A		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
11	Phan Nguyễn Trường	Sinh	08/02/1982		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình	B	B		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
12	Trần Văn	Nhàn	08/06/1994		Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	B	B		Thanh tra, UBND huyện	Thanh tra	01.003				
13	Trần Bửu	Son	11/07/1993		Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
14	Trần Hồng	Hà	20/09/1993		Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				
15	Lê Thanh	Tiến	20/08/1991		Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C	CB		Thanh tra, UBND huyện	Thanh tra	01.003				
16	Đào Văn	Đông	20/10/1990		Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	A		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
17	Phạm Lê Tích	Hòa	17/09/1984		Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình Định	Thạc sĩ	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	B1	A		Thanh tra, UBND huyện Tuy Phước	Thanh tra	01.003				Bảng Thạc sĩ và tiếng Anh B1 do Đại học Đà Nẵng cấp
5	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội																
	Kế toán: 1 chỉ tiêu												06.031				
1	Nguyễn Thị Minh	Thảo	04/01/1984	X	Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
2	Tổng Thị Hồng	Thảo	12/09/1981	X	Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
3	Lê Chánh	Tín	07/01/1996		Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
4	Hà Thị Thu	Dung	03/01/1991	X	Ấn Tín, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Phạm Anh	Thái	17/11/1992		Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
6	Huỳnh Thị	Trang	20/01/1991	X	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
7	Trần Nguyễn Thị Mỹ	Hiệp	07/09/1985	X	Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
8	Lê Thị Hồng	Thắm	22/01/1986	X	Tây Xuân, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
9	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	10/01/1986	X	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
10	Võ Thị	Nhân	17/06/1987	X	Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
11	Trương Thị Thùy	Trang	12/10/1984	X	Đập Đá, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
12	Phan Thị Thu	Hà	01/12/1992	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
13	Huỳnh Hà Thị	Lành	16/11/1991	X	Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
14	Nguyễn Xuân	Đạo	01/08/1986		Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
15	Hà Thị Thúy	Hào	01/01/1991	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
16	Nguyễn Thị	Lễ	24/08/1997	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
17	Đặng Thị	Tánh	01/04/1987	X	Phù Mỹ, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	B	A		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
18	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	12/10/1990	X	Nhơn Hòa, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	B1	KTV		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				Tiếng Anh B1 do Trường ĐH Vinh cấp
19	Trần Nữ Ái	Vi	05/09/1987	X	Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
20	Phạm Thị Hồng	Hải	15/07/1990	X	Mỹ Hòa, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
21	Trương Thị Yến	Nhi	30/10/1992	X	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kế toán	C	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				
22	Nguyễn Ngọc	Diệp	20/02/1993		Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kế toán	Bậc 3	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Kế toán	06.031				Bằng Đại học và tiếng Anh Bậc 3 do Trường ĐH Tài chính kế toán cấp

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đinh Thị	Mây	18/08/1992	X	Canh Thuận, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	DTTS			
2	Dương Phước	Thắng	30/04/1987		Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	C	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Nguyễn Ngọc	Tú	09/07/1988		Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	B	KTV		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003				
4	Phan Thị Hữu	Vi	01/01/1994	X	Cát Thành, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật	B	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003				
5	Ung Nhật	Hưng	13/06/1995	X	Nhon Binh, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	Toeic 550	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003				
6	Quách Thị Dạ	Thảo	22/01/1981	X	Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Luật	B	A		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003				
7	Võ Thị	Huyền	10/12/1982	X	Cát Thắng, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Luật	B	KTV		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003				
8	Trần Thị Mỹ	Hằng	27/05/1990	X	Phước Nghĩa, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003				
9	Nguyễn Thái	Cầm	06/06/1991		Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Luật	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003				
	Thực hiện chính sách người có công: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đinh Thị	Đen	10/03/1996	X	Canh Thuận, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	C	CB		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý chính sách người có công	01.003	DTTS			
2	Mai Thị Kim	Dung	02/01/1985	X	Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	C	A		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý chính sách người có công	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
3	Trần Thị Hồng	Hanh	01/09/1991	X	Vân Canh, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý chính sách người có công	01.003				
4	Đỗ Thị	Hương	02/08/1990	X	Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Công tác xã hội	B	B		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Phước	Quản lý chính sách người có công	01.003				
VII	UBND HUYỆN VÂN CANH																
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường																
	Quản lý đất đai: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Như	Trâm	15/08/1991	X	Đăk Đoa, Gia Lai	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Canh	Hành chính tổng hợp	01.003				
2	Võ Xuân	Phú	28/07/1990		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	C	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Canh	Quản lý đất đai	01.003				
	Quản lý môi trường: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Hồ Thị Thanh	Thảo	07/02/1990	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Quản lý môi trường	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Canh	Quản lý môi trường	01.003				
2	Nguyễn Văn	Hậu	16/09/1988		Mỹ Quang, Phù Mỹ, Bình Định	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Canh	Quản lý môi trường	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Phan Thị Thúy	Hương	17/09/1995	X	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản lý môi trường	C	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Canh	Quản lý môi trường	01.003				
4	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	02/02/1989	X	Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản lý môi trường	B	B		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Canh	Quản lý môi trường	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
5	Đỗ Thị Bảo	Thuận	20/07/1988	x	Trần Quang Diệu, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Khoa học môi trường	B	CB		Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Canh	Quản lý môi trường	01.003				
	Phòng Nội vụ																
	Công tác thi đua khen thưởng: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Võ Chí	Khiêm	20/07/1994		Nhơn Hậu, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
2	Nguyễn Bá	Quyền	30/05/1993		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Lịch sử	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003	HTNV CAND			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
3	Hà Thị	Yên	12/06/1984	X	Canh Liên, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003	DTTS	DTTS		
4	Trần Xuân	Thương	28/08/1991		Canh Hiệp, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Lịch sử	B	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003				
5	Trần Thị Thu	Trang	18/11/1995	X	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Lịch sử	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003				
6	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	22/02/1990	X	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	CB		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003				
7	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	24/03/1979	X	Canh Thuận, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003	Con TB	Tiếng Chăm		Bổ sung chứng nhận ưu tiên; miễn thi ngoại ngữ
8	Trần Đức	Hiển	22/11/1989		Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Lịch sử	B	A		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
9	Lê Thị	Thu	19/02/1988	X	Canh Thuận, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	C	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003		Tiếng Chăm		Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ
10	Phạm Thị Thúy	Hường	13/03/1994	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003				
11	Ngô Thị Hồng	Thùy	04/04/1994	X	Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	C	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003				
12	Trần Anh	Thư	13/10/1997	X	Ấn Phong, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Văn học	B	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003				
13	Nguyễn Thị Bích	Giang	02/10/1996	x	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Ngữ văn	Bậc 2	B		Phòng Nội vụ, UBND huyện Vân Canh	Công tác thi đua khen thưởng	01.003				Bảng Đại học và tiếng Anh Bậc 2 do Trường ĐH Quy Nhơn

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
	Quản lý kế hoạch và đầu tư: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Trung	Quân	18/03/1988		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003				
2	Võ Văn	Nhon	08/08/1982		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng																
	Quản lý xây dựng: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đình Giang	Đam	14/10/1986		Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý xây dựng	01.003	DTTS	DTTS		
2	Lê Công	Cẩn	08/03/1994		Ngô Mỹ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý xây dựng	01.003				
3	Nguyễn Khánh	Toàn	12/09/1979		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý xây dựng	01.003				
4	Lê Văn	Tín	05/02/1987		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình	B	KTV		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý xây dựng	01.003				
5	Dương Văn	Năm	18/08/1985		Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý xây dựng	01.003				
6	Nguyễn Xuân	Nương	04/10/1985	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý xây dựng	01.003				
7	Võ Thanh	Trung	24/07/1990		Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	B	A		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý xây dựng	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Quách Thị Thùy	Liên	03/06/1985	X	Vĩnh Thuận, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	DTTS	DTTS		
2	Cao Thị Thanh	Thùy	05/12/1981	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
3	Đình Văn	Trung	19/05/1988		Vĩnh Hòa, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	DTTS	DTTS		
4	Nguyễn Văn	Thoại	25/10/1985		Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
5	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20/12/1989	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
6	Trần Thị	Hậu	05/04/1987	X	Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
7	Lơ O Zang	Danh	12/07/1986		Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Bậc 2	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	DTTS	DTTS		
8	Huỳnh Thị Hồng	Diễm	30/07/1985	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Bậc 2	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
9	Phan Nguyễn Huyền	Nga	18/11/1990	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	C	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
10	Châu Anh	Thư	12/01/1995	X	Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
11	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyên	07/03/1990	X	Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
12	Đỗ Minh	Hiệp	15/03/1987		Vĩnh Quang, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
13	Phan Thành	Sự	22/10/1985		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Tiếng Bana	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003		Tiếng Bana	Bổ sung điều kiện miễn thi ngoại ngữ	
14	Huỳnh Thị	Thân	09/10/1989	X	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh thương mại	B	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
15	Đinh Thị	Cróp	03/04/1993	X	An Dũng, An Lão, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	C	B		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	DTTS	DTTS		
16	Đinh Thị	Bưởi	10/08/1984	X	An Vinh, An Lão, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	C	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	DTTS; Con TB	DTTS		Bổ sung chứng nhận ưu tiên
17	Đinh Văn	Đông	16/10/1991		Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Khuyến nông và phát triển nông thôn	CB	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	DTTS	DTTS		
18	Nguyễn Quốc	Sử	13/09/1982		Tây Thuận, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông lâm	CB	CB		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003				
19	Lơ O Thị Bích	Nguyên	27/08/1990	X	Vân Canh, Vân Canh, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	CB	KTV		Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	DTTS	DTTS		
IX	UBND THỊ XÃ AN NHƠN																
1	Văn phòng HĐND và UBND																
	Quản lý quy hoạch, kiến trúc: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Võ Khánh	My	10/09/1994	X	Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quy hoạch vùng và Đô thị	B	A		Văn phòng HĐND và UBND thị xã An	Quản lý quy hoạch, kiến trúc	01.003				
2	Trần Trung	Nguyên	20/04/1987		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quy hoạch đô thị	B	B		Văn phòng HĐND và UBND thị xã An	Quản lý quy hoạch, kiến trúc	01.003				
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch																
	Quản lý tài chính, ngân sách: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/09/1992	X	Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã An	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
2	Nguyễn Thị Mỹ	Nhuận	07/05/1989	X	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã An	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
3	Lê Thị Quỳnh	Trang	28/02/1990	X	Ngô Mây, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	KTV		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã An	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
4	Nguyễn Trung	Nghĩa	07/01/1992		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã An	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
5	Trần Thị Ý	Nhi	30/11/1989	X	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã An	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngành	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
6	Trần Ái Vy		18/05/1995	x	Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	A		Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã An	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
7	Nguyễn Minh Chi		13/07/1990		Bình Định, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	B	B		Quản lý tài chính, ngân sách	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
8	Nguyễn Tạ Nhật Nữ		04/12/1991	X	Nhơn Thành, An Nhơn, Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Toeic 500	B		Quản lý tài chính, ngân sách	Quản lý tài chính, ngân sách	01.003				
3	Phòng Kinh tế																
	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trương Văn Trị		16/12/1978		Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	B	CB		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
2	Nguyễn Bảo Ngọc		10/04/1990	X	Đập Đá, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
3	Nguyễn Thị Thu Mến		10/10/1989	X	Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	KTV		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
4	Man Thị Ánh Nguyệt		09/03/1992	X	Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
5	Nguyễn Thị Trúc Vy		15/01/1991	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003	Con người NCB HH			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
6	Nguyễn Văn Nghiên		27/03/1986		Cát Hiệp, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	A		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003	HT NVQS			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
7	Trần Thị Cẩm Giang		21/12/1992	X	An Tân, An Lão, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	CB		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
8	Bạch Nhơn Tân		08/10/1986		Nhơn Tân, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003	Con Liệt sỹ			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
9	Hồ Thị Ngọc Dung		03/10/1983	X	Nhung Hưng, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN							GHI CHÚ
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)	Miễn thi tin học (lý do)	
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
10	Nguyễn Thị Tố	Quyên	12/08/1988	X	Nhơn Khánh, An Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
11	Đinh Thị	Xuân	15/06/1985	X	Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
12	Phạm Thị	Điệp	22/02/1991	X	Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thị xã An Nhơn	Quản lý về phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai	01.003				
X	UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN																
1	Phòng Y tế																
	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Trần Thị Mỹ	Hương	30/08/1996	x	Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Toeic 565	A		Phòng Y tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	01.003				
2	Phòng Văn hóa và Thông tin																
	Quản lý thông tin, truyền thông: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Nguyễn Bá	Ngọc	28/10/1988		Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ, Đại học	Công nghệ thông tin	B	Ths		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý thông tin - truyền thông	01.003			ThS	
2	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	01/04/1990	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	B	ĐH		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý thông tin - truyền thông	01.003			ĐH	
3	Nguyễn Bá	Toàn	27/04/1985		Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	Đại học	Tin học	C	ĐH		Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý thông tin - truyền thông	01.003			ĐH	
3	Phòng Kinh tế																
	Quản lý nông nghiệp: 1 chỉ tiêu												01.003				
1	Đào Thị Hồng	Nhung	12/08/1992	X	Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
2	Nguyễn Văn	Thành	19/05/1992		Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế	Toeic 565	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
3	Phan Thành	Tiến	23/01/1991		Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
4	Ngô Thị Kim	Ánh	01/09/1992	x	An Hảo Đông, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngành	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
5	Nguyễn Thành	Luu	10/09/1991		Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
6	Phạm Quỳnh	Hoa	16/10/1995	X	Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
7	Đinh Thị Hồng	Trinh	26/11/1994	X	Quang Trung, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
8	Nguyễn Nhật	Tiên	07/07/1995		36 Đào Duy Từ, thành phố Quy Nhơn	Đại học	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
9	Lê Ngọc	Pháp	10/10/1992		Phước Sơn, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kinh tế	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
10	Trần Thanh	Cung	12/04/1990		Mỹ Tài, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kinh tế	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003	Con TB			Bổ sung chứng nhận ưu tiên
11	Lâm Triệu	Ngọc	25/11/1988	x	Phường Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế	B	CB		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
12	Đặng Văn	Hội	02/08/1988		Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
13	Tô Vũ Thị Cẩm	Vân	12/06/1982	X	Ân Mỹ, Hoài Ân, Bình Định	Đại học	Kinh tế	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
14	Nguyễn Minh	Diễm	01/06/1994	X	Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	Đại học	Kinh tế	C	CB		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
15	Hồ Diễm	Chi	10/07/1988	X	Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	B	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
16	Phan Thị Bích	Cầm	12/01/1993	X	Mỹ Lộc, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				
17	Trần Thị	Liên	10/10/1994	X	Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	Đại học	Kinh tế	C	B		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				

TT	THÔNG TIN THÍ SINH									THÔNG TIN DỰ TUYỂN						GHI CHÚ	
	Họ và tên thí sinh theo vị trí dự tuyển		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính nữ (X)	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Trình độ chuyên môn		Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Mã ngạch	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi ngoại ngữ (lý do)		Miễn thi tin học (lý do)
						Trình độ	Ngành đào tạo; chuyên ngành đào tạo										
18	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	16/02/1997	X	Nhơn Phú, Quy Nhơn, Bình Định	Đại học	Phát triển nông thôn	B1	CB		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				Tiếng Anh B1 do ĐH Huế cấp
19	Nguyễn Thị Vi	Vi	20/10/1997	X	Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học	Kinh tế	B1	CB		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				Bằng Đại học (Giỏi) và tiếng Anh B1 do Trường ĐH Quy Nhơn cấp
20	Phạm Thị Kim	Anh	12/06/1996	X	Ngô Mây, Phù Cát, Bình Định	Đại học	Kinh tế	B1	CB		Phòng Kinh tế, UBND thành phố Quy Nhơn	Quản lý nông nghiệp	01.003				Bằng Đại học và tiếng Anh B1 do Trường ĐH Quy Nhơn cấp

Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự tuyển: 369 thí sinh.